

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2806 /QĐ-TĐHYKPNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển trình độ Chuyên khoa cấp I
và Chuyên khoa cấp II năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I Sau Đại học;

Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II Sau Đại học;

Căn cứ Công văn số 3077/BYT-K2ĐT ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Bộ Y tế về việc bảo đảm chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ CKI, CKII và BSNT;

Căn cứ Quyết định số 1847/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phân công phụ trách lãnh đạo, quản lý, điều hành hoạt động, thực hiện các giao dịch tài chính và thực hiện nhiệm vụ của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Quyết định số 1630/QĐ-TĐHYKPNT ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh Sau đại học năm 2026;


Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Tuyển sinh Sau đại học ngày 29 tháng 6 năm 2026 và Danh sách công nhận trúng tuyển xuất từ phần mềm của Ban Máy tính kỳ thi Tuyển sinh Sau đại học năm 2026;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học tại Tờ trình số 411/TTr-QLĐTSDH ngày 30 tháng 6 năm 2026.


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 671 thí sinh trúng tuyển Chuyên khoa cấp I thuộc 23 chuyên ngành và 291 thí sinh trúng tuyển Chuyên khoa cấp II thuộc 19 chuyên ngành (danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Khoa Y, Khoa Y tế công cộng, Phòng Tài chính kế toán và các cá nhân có tên tại Điều 1 trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KHCN&ĐT-Bộ Y tế;
- Tập thể Lãnh đạo;
- Lưu: VT, P.QLĐTSDH (YN_05b) 

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PHỤ TRÁCH ĐIỀU HÀNH**



PGS. TS. DS Nguyễn Đăng Thoại

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2026

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA CẤP I

(Kèm Quyết định số 2806...../QĐ-TĐHYKPNT, ngày 30.. tháng 6.... năm 2026.
của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
CHUYÊN NGÀNH: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH					63			
1	1	26.01.01.0001	Trần Thị Thiên	An	Nữ	03/10/1999	Tỉnh Bến Tre	
2	2	26.01.01.0004	Nguyễn Duy	Anh	Nam	13/02/1995	Tỉnh Vĩnh Long	
3	3	26.01.01.0012	Quách Thị Thiên	Anh	Nữ	13/06/2000	Kiên Giang	
4	4	26.01.01.0017	Đông Phương	Ấn	Nữ	19/08/1997	Tỉnh Kiên Giang	
5	5	26.01.01.0021	Vũ Ngô Uy	Bình	Nam	25/04/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
6	6	26.01.01.0026	Nguyễn Thị Thùy	Châu	Nữ	24/09/1998	Kon tum	
7	7	26.01.01.0029	Bùi	Cương	Nam	02/05/1995	Tỉnh Nghệ An	
8	8	26.01.01.0030	Nguyễn Cô	Diêm	Nữ	23/02/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	
9	9	26.01.01.0033	Phan Thành	Duy	Nam	11/09/1996	Bến Tre	
10	10	26.01.01.0047	Nguyễn Tuấn	Hải	Nam	02/05/1999	Bình Định	
11	11	26.01.01.0048	Nguyễn Thị Đức	Hải	Nữ	20/07/1999	Ninh Thuận	
12	12	26.01.01.0052	Nguyễn Thanh Minh	Hậu	Nữ	25/12/1998	Tỉnh Phú Yên	
13	13	26.01.01.0058	Đới Sỹ	Huy	Nam	30/01/1993	Quảng Bình	
14	14	26.01.01.0059	Bùi Xuân	Huy	Nam	28/09/1999	Tỉnh Gia Lai	
15	15	26.01.01.0062	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	16/08/1998	Tỉnh Hưng Yên	
16	16	26.01.01.0063	Đỗ Thị Thanh	Huyền	Nữ	12/05/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
17	17	26.01.01.0064	Lê Thị Minh	Huyền	Nữ	20/03/1997	Tỉnh Gia Lai	
18	18	26.01.01.0067	Phạm Thế	Hùng	Nam	23/02/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
19	19	26.01.01.0068	Phạm Thành	Hung	Nam	06/01/1996	Tỉnh Lâm Đồng	
20	20	26.01.01.0070	Nguyễn Hồng	Hung	Nam	05/04/1997	Tỉnh Vĩnh Long	
21	21	26.01.01.0072	Bùi Thị Ngọc	Hương	Nữ	08/02/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
22	22	26.01.01.0076	Mai Hữu Đăng	Khoa	Nam	15/11/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
23	23	26.01.01.0083	Nguyễn Phước	Lâm	Nam	21/03/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
24	24	26.01.01.0084	Ngô Thị Thùy	Liên	Nữ	24/07/1990	Tỉnh Lâm Đồng	
25	25	26.01.01.0087	Nguyễn Hải	Long	Nam	18/06/2000	Tỉnh Bắc Ninh	
26	26	26.01.01.0097	Thái Hoàng	Minh	Nam	19/09/1998	Tỉnh Vĩnh Long	
27	27	26.01.01.0101	Trần Ngọc	Nam	Nam	16/05/1999	Tỉnh Khánh Hòa	
28	28	26.01.01.0109	Tô Thị	Ngân	Nữ	25/08/1999	tỉnh Bình Phước	
29	29	26.01.01.0113	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	26/10/1999	Sóc Trăng	
30	30	26.01.01.0115	Đặng Huỳnh	Nguyễn	Nam	28/10/1998	Bình Định	
31	31	26.01.01.0122	Huỳnh Thị	Nhi	Nữ	15/04/1997	Thành phố Đà Nẵng	
32	32	26.01.01.0127	Hồ Nguyễn Thanh	Như	Nữ	20/01/2000	Bình Phước	
33	33	26.01.01.0135	Giáp Hà	Phương	Nữ	27/06/1998	Quảng Nam	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
34	34	26.01.01.0144	Lê Khắc Minh	Quân	Nam	05/11/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
35	35	26.01.01.0146	Lương Tố	Quyên	Nữ	10/03/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
36	36	26.01.01.0161	Thái Minh	Tâm	Nam	25/07/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
37	37	26.01.01.0162	Trần Duy	Tân	Nam	28/07/1997	Quảng Nam	
38	38	26.01.01.0165	Trần Hoàng	Thao	Nam	08/09/2000	Tỉnh Lâm Đồng	
39	39	26.01.01.0166	Trần Đình	Thành	Nam	20/02/1994	Tỉnh Nghệ An	
40	40	26.01.01.0167	Nguyễn Thị Dạ	Thảo	Nữ	06/07/1999	Tỉnh Lâm Đồng	
41	41	26.01.01.0168	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	Nữ	22/09/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
42	42	26.01.01.0169	Đậu Thị	Thảo	Nữ	13/01/1995	Tỉnh Nghệ An	
43	43	26.01.01.0174	Nguyễn Đặng Phương	Thảo	Nữ	03/03/2000	Tỉnh Cà Mau	
44	44	26.01.01.0175	Trần Thanh	Thảo	Nữ	30/05/1999	Tỉnh Đồng Nai	
45	45	26.01.01.0176	Nguyễn Hồng	Thái	Nam	10/08/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
46	46	26.01.01.0178	Bùi Đức	Thắng	Nam	16/01/1997	Bình Phước	
47	47	26.01.01.0183	Nguyễn Văn	Thịnh	Nam	04/08/1999	Tỉnh Nghệ An	
48	48	26.01.01.0184	Nguyễn Thị Oanh	Thơ	Nữ	14/02/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
49	49	26.01.01.0187	Trần Ngọc	Thùy	Nữ	14/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
50	50	26.01.01.0189	Huỳnh Thị Ngọc	Thúy	Nữ	01/12/1996	Bình Định	
51	51	26.01.01.0191	Phạm Minh	Thư	Nữ	30/10/1998	Thành phố Cần Thơ	
52	52	26.01.01.0194	Lê Thị	Thương	Nữ	03/02/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
53	53	26.01.01.0195	Phạm Sơn Minh	Thy	Nữ	21/09/1997	Sóc Trăng	
54	54	26.01.01.0202	Nguyễn Trung	Tính	Nam	01/11/1996	Bình Định	
55	55	26.01.01.0210	Nguyễn Trần Nguyên	Trân	Nữ	21/07/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
56	56	26.01.01.0215	Ngô Tâm	Trí	Nam	02/02/1998	Thành phố Huế	
57	57	26.01.01.0216	Nguyễn Lê Hoàng	Tuấn	Nam	08/05/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
58	58	26.01.01.0217	Trần Thanh	Tùng	Nam	14/11/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
59	59	26.01.01.0219	Nguyễn Thị Minh	Tú	Nữ	07/10/1993	Tỉnh Đắk Lắk	
60	60	26.01.01.0220	Bùi Phạm Ngọc	Tú	Nữ	17/06/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
61	61	26.01.01.0228	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	03/11/1997	Tỉnh An Giang	
62	62	26.01.01.0234	Hoàng Thị Hải	Yến	Nữ	20/01/1998	Bình Phước	
63	63	26.01.01.0235	Từ Kim	Yến	Nữ	20/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH				39		
64	1	26.01.02.0237	Nguyễn Phạm Bình Gia	An	Nam	20/11/2000	Tỉnh Gia Lai	
65	2	26.01.02.0239	Phan Quang Gia	Bào	Nam	18/11/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
66	3	26.01.02.0240	Trần Anh	Bào	Nam	19/09/1995	Tỉnh Hà Tĩnh	
67	4	26.01.02.0243	Nguyễn Công	Bình	Nam	18/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
68	5	26.01.02.0246	Ngô Nguyễn Nguyên	Chương	Nam	24/01/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
69	6	26.01.02.0249	Trần Nhất	Duy	Nam	02/04/1999	Tỉnh Tây Ninh	
70	7	26.01.02.0250	Phạm Đức	Duy	Nam	10/08/1999	Tỉnh Nghệ An	
71	8	26.01.02.0256	Nguyễn Thành	Đô	Nam	09/09/1998	Long An	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
72	9	26.01.02.0261	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	02/02/1998	Bình Thuận	
73	10	26.01.02.0264	Nguyễn Trí	Hiện	Nam	12/10/2000	Bạc Liêu	
74	11	26.01.02.0267	Lê Minh	Hoàng	Nam	21/03/1999	Tỉnh Gia Lai	
75	12	26.01.02.0269	Lê Võ Tấn	Hoàng	Nam	14/08/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
76	13	26.01.02.0270	Nguyễn Minh	Huy	Nam	07/02/2000	Thành phố Hồ Minh	
77	14	26.01.02.0272	Nguyễn Quang	Huy	Nam	07/07/1996	Thành phố Đà Nẵng	
78	15	26.01.02.0273	Đỗ Thế	Huy	Nam	04/10/1999	Tỉnh Quảng Ngãi	
79	16	26.01.02.0279	Nguyễn Văn Phước	Khiêm	Nam	13/03/1994	Thành phố Huế	
80	17	26.01.02.0281	Võ Lâm Hoàng	Khôi	Nam	22/06/1997	Tỉnh Đồng Tháp	
81	18	26.01.02.0284	Nguyễn Vũ Quang	Lâm	Nam	16/04/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
82	19	26.01.02.0289	Vũ Trần Sinh	Lợi	Nam	16/02/1999	Tỉnh Lâm Đồng	
83	20	26.01.02.0293	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	21/06/1998	Long An	
84	21	26.01.02.0296	Trần Đình	Nguyễn	Nam	18/11/1996	Quảng Bình	
85	22	26.01.02.0305	Phan Lý	Phúc	Nam	09/01/1996	Bình Định	
86	23	26.01.02.0307	Nguyễn Anh	Quân	Nam	11/03/1999	Tỉnh Nghệ An	
87	24	26.01.02.0309	Dương Minh	Quyền	Nam	15/06/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
88	25	26.01.02.0311	Nghiêm Hồng	Sang	Nam	24/02/1996	Tỉnh An Giang	
89	26	26.01.02.0313	Đỗ Thành	Tài	Nam	22/12/1987	Bình Thuận	
90	27	26.01.02.0317	Nguyễn Huy	Thành	Nam	06/01/2000	Tỉnh Gia Lai	
91	28	26.01.02.0322	Đoàn Ngọc	Thịnh	Nam	13/11/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
92	29	26.01.02.0323	Nguyễn Phúc	Thịnh	Nam	14/01/1997	Tỉnh Vĩnh Long	
93	30	26.01.02.0325	Vũ Văn	Thuận	Nam	05/09/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
94	31	26.01.02.0329	Lê Hoàng Minh	Triết	Nam	11/08/1999	Tỉnh Phú Yên	
95	32	26.01.02.0334	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	16/03/1995	Tỉnh Nghệ An	
96	33	26.01.02.0337	Trần Anh	Tuấn	Nam	30/06/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
97	34	26.01.02.0339	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	10/10/1990	Tỉnh Thanh Hóa	
98	35	26.01.02.0340	Lê Anh	Tuấn	Nam	10/06/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
99	36	26.01.02.0341	Nguyễn Minh	Tú	Nam	02/07/1993	Long An	
100	37	26.01.02.0342	Bùi Hoàng Phương	Tú	Nữ	13/02/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
101	38	26.01.02.0343	Nguyễn Anh	Tú	Nam	28/06/1996	Sông Bé	
102	39	26.01.02.0347	Hsu Che	Wei	Nam	02/09/1997	Trung Quốc (Đài Loan)	
		CHUYÊN NGÀNH: DA LIỄU				30		
103	1	26.01.03.0348	Nguyễn Lộc Thuý	An	Nữ	20/05/1998	Bến Tre	
104	2	26.01.03.0352	Trương Minh	Anh	Nữ	01/06/1998	Bắc Giang	
105	3	26.01.03.0356	Đỗ Tuấn	Anh	Nữ	24/01/1998	Hải Dương	
106	4	26.01.03.0359	Đỗ Ngọc Quế	Anh	Nữ	28/11/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
107	5	26.01.03.0360	Lương Vũ Quỳnh	Anh	Nữ	07/09/1997	Bình Định	
108	6	26.01.03.0362	Trần Quế	Anh	Nữ	01/04/2000	Tỉnh Lâm Đồng	
109	7	26.01.03.0367	Phan Lê Minh	Châu	Nữ	14/02/2000	Tỉnh Đắk Lắk	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
110	8	26.01.03.0401	Võ Thị Anh	Hương	Nữ	21/10/1998	Quảng Nam	
111	9	26.01.03.0405	Nguyễn Thiên	Hương	Nữ	15/10/1999	Kiên Giang	
112	10	26.01.03.0408	Trần Thảo Phương Niê	Kdâm	Nữ	08/05/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
113	11	26.01.03.0409	Bùi Văn	Khải	Nam	23/09/1998	Sóc Trăng	
114	12	26.01.03.0415	Huỳnh	Lam	Nữ	06/11/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
115	13	26.01.03.0416	Nguyễn Thị Hoàng	Lan	Nữ	14/04/2000	Bình Phước	
116	14	26.01.03.0419	Đoàn Thị Thùy	Linh	Nữ	20/04/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
117	15	26.01.03.0421	Dương Phạm Thùy	Linh	Nữ	11/09/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
118	16	26.01.03.0444	Vũ Phi	Phi	Nữ	01/10/1998	Đắc Lắc	
119	17	26.01.03.0449	Bùi Thị Thu	Phương	Nữ	10/10/1994	Kiên Giang	
120	18	26.01.03.0451	Trần Hồ Minh	Phương	Nữ	11/03/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
121	19	26.01.03.0452	Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	28/09/1999	Bình Phước	
122	20	26.01.03.0455	Nguyễn Thị Thủy	Quỳnh	Nữ	28/05/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
123	21	26.01.03.0461	Nguyễn Thị	Sương	Nữ	02/04/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	
124	22	26.01.03.0466	Nguyễn Phương	Thanh	Nữ	22/03/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
125	23	26.01.03.0471	Từ Công Phương	Thảo	Nữ	08/10/1998	Ninh Thuận	
126	24	26.01.03.0478	Võ Thị Minh	Thu	Nữ	14/08/1998	Bình Định	
127	25	26.01.03.0498	Phan Nguyễn Minh	Trí	Nam	13/03/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
128	26	26.01.03.0505	Cao Trần Thảo	Uyên	Nữ	23/03/1997	Bình Thuận	
129	27	26.01.03.0506	Nguyễn Thị Tố	Uyên	Nữ	21/10/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
130	28	26.01.03.0507	Vũ Bảo	Uyên	Nữ	19/07/2000	Tỉnh Lâm Đồng	
131	29	26.01.03.0519	Lê Thị Nhật	Vy	Nữ	02/09/2000	Thành phố Cần Thơ	
132	30	26.01.03.0521	Lê Thị Ngọc	Yến	Nữ	30/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: DƯỢC LÝ - DƯỢC LÂM SÀNG				4		
133	1	26.01.31.0547	Đặng Thị Hoài	Đông	Nữ	27/02/1992	Tỉnh Hà Tĩnh	
134	2	26.01.31.0548	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	Nữ	20/12/1997	Tỉnh Đồng Nai	
135	3	26.01.31.0549	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	12/07/1982	Tiền Giang	
136	4	26.01.31.0550	Nguyễn Thị Tinh	Nhi	Nữ	31/05/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG				22		
137	1	26.01.04.0523	Trịnh Thị	Bắc	Nữ	01/12/1989	Tỉnh Đồng Nai	
138	2	26.01.04.0524	Phạm Thị Quý	Cẩm	Nữ	15/06/1993	Tỉnh Hà Tĩnh	
139	3	26.01.04.0525	Phạm Thị	Chinh	Nữ	01/09/1988	Tỉnh Ninh Bình	
140	4	26.01.04.0527	Phan Thị	Huyền	Nữ	26/10/1986	Thành phố Hải Phòng	
141	5	26.01.04.0528	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	09/08/1992	Sông Bé	
142	6	26.01.04.0529	Phạm Thị Hạ	Huyền	Nữ	26/10/1993	Tỉnh Nghệ An	
143	7	26.01.04.0530	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	12/08/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
144	8	26.01.04.0531	Nguyễn Thị Yến	Hương	Nữ	05/09/1990	Quảng Bình	
145	9	26.01.04.0532	Trương Thùy	Linh	Nữ	25/08/1998	Tỉnh Quảng Trị	
146	10	26.01.04.0533	Ngô Thị Ngọc	Mai	Nữ	15/08/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
147	11	26.01.04.0534	Nguyễn Thị Minh	Nữ	26/06/1988	Tỉnh Nghệ An	
148	12	26.01.04.0535	Lê Nhật Minh	Nam	21/11/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
149	13	26.01.04.0536	Lê Thị Kim Ngân	Nữ	08/11/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	
150	14	26.01.04.0537	Vũ Ngọc Nhi	Nữ	06/10/2001	Tỉnh Vĩnh Long	
151	15	26.01.04.0538	Nguyễn Thị Kiều Ni	Nữ	15/09/1987	Tỉnh Tây Ninh	
152	16	26.01.04.0539	Ngô Bá Quốc	Nam	13/05/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
153	17	26.01.04.0540	Phạm Tấn Tài	Nam	08/02/1993	Long An	
154	18	26.01.04.0542	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	15/5/1979	Tiền Giang	
155	19	26.01.04.0543	Bùi Thị Bảo Trân	Nữ	01/06/1997	Tiền Giang	
156	20	26.01.04.0544	Tạ Thị Cẩm Vân	Nữ	09/07/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
157	21	26.01.04.0545	Trần Thị Hoàng Vi	Nữ	28/10/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
158	22	26.01.04.0546	Đỗ Thị Ngọc Yến	Nữ	06/06/1984	Thái Bình	
CHUYÊN NGÀNH: GÂY MÊ HỒI SỨC					25		
159	1	26.01.05.0552	Nguyễn Trường An	Nam	17/02/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
160	2	26.01.05.0553	Huỳnh Nhật Anh	Nam	04/01/2000	Kiên Giang	
161	3	26.01.05.0557	Thái Ngọc Ánh	Nữ	19/01/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
162	4	26.01.05.0568	Dư Thị Thùy Dương	Nữ	19/01/1998	Tỉnh Lâm Đồng	
163	5	26.01.05.0573	Nguyễn Lê Quang Đức	Nam	08/01/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
164	6	26.01.05.0574	Lê Thị Châu Em	Nữ	14/11/1998	Tỉnh Kiên Giang	
165	7	26.01.05.0578	Huỳnh Trương Hồng Hạnh	Nữ	25/08/1999	Tỉnh Vĩnh Long	
166	8	26.01.05.0581	Trần Minh Hòa	Nam	22/08/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
167	9	26.01.05.0582	Trần Thị Mai Huỳnh	Nữ	11/04/1995	Tỉnh Bình Định	
168	10	26.01.05.0586	Hoàng Thị Việt Hường	Nữ	27/08/1995	Tỉnh Nghệ An	
169	11	26.01.05.0591	Nguyễn Chí Linh	Nam	30/07/1996	Tỉnh Đồng Tháp	
170	12	26.01.05.0592	Nguyễn Ngọc Linh	Nam	23/10/1997	Tỉnh Bến Tre	
171	13	26.01.05.0593	Trần Nhật Linh	Nữ	19/11/1998	Tỉnh Khánh Hòa	
172	14	26.01.05.0595	Ngô Đình Mạnh	Nam	30/10/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
173	15	26.01.05.0603	Nguyễn Thị Hà Nhi	Nữ	02/03/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	
174	16	26.01.05.0606	Nguyễn Tài Phú	Nam	06/05/1998	Tỉnh Bến Tre	
175	17	26.01.05.0609	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Nữ	14/11/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
176	18	26.01.05.0613	Nguyễn Đoàn Công Thành	Nam	02/08/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
177	19	26.01.05.0614	Mai Thị Thanh Thảo	Nữ	20/11/1997	Thành phố Đà Nẵng	
178	20	26.01.05.0616	Nguyễn Đức Thắng	Nam	12/10/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
179	21	26.01.05.0622	Trần Minh Thuận	Nam	31/01/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
180	22	26.01.05.0631	Lương Nguyễn Phục Trinh	Nữ	18/01/2000	Tỉnh An Giang	
181	23	26.01.05.0632	Lê Viết Nhân Trí	Nam	29/09/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
182	24	26.01.05.0637	Huỳnh Anh Tuấn	Nam	21/02/1996	Tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng	
183	25	26.01.05.0645	Lê Vũ Thanh Vân	Nữ	04/01/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
CHUYÊN NGÀNH: HỒI SỨC CẤP CỨU - CHỐNG ĐỘC					45		

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
184	1	26.01.06.0651	Đào Ngọc	Anh	Nam	01/02/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
185	2	26.01.06.0652	Phạm Giang	Bảo	Nam	12/03/1994	Tỉnh Long An	
186	3	26.01.06.0654	Nguyễn Ru	Bi	Nam	15/09/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
187	4	26.01.06.0658	Trương Thành	Cung	Nam	03/12/1998	Tỉnh Sóc Trăng	
188	5	26.01.06.0660	Bùi Thanh	Duy	Nam	26/12/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
189	6	26.01.06.0663	Nguyễn Hoàng	Dũng	Nam	10/11/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
190	7	26.01.06.0667	Lưu Phương	Đông	Nam	23/10/1998	Tỉnh Gia Lai	
191	8	26.01.06.0668	Đình Nô	Ê	Nam	12/10/1993	Tỉnh Quảng Ngãi	
192	9	26.01.06.0669	Nguyễn Khắc Hoàng	Hải	Nam	11/10/1997	Tỉnh Đồng Nai	
193	10	26.01.06.0671	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	05/09/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
194	11	26.01.06.0675	Nguyễn Đình	Hoàng	Nam	19/08/1994	Tỉnh Gia Lai	
195	12	26.01.06.0678	Trương Quốc Gia	Huy	Nam	17/04/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
196	13	26.01.06.0679	Lê Quốc	Hung	Nam	29/06/2000	Tỉnh Bến Tre	
197	14	26.01.06.0685	Đông Tuấn	Kiệt	Nam	19/02/2000	Tỉnh Kiên Giang	
198	15	26.01.06.0686	Phan Thị Thúy	Liểu	Nữ	15/07/1990	Tỉnh Tây Ninh	
199	16	26.01.06.0687	Lô Thị Bích	Liểu	Nữ	11/06/1998	Tỉnh Lâm Đồng	
200	17	26.01.06.0692	Võ Đăng Phương	Minh	Nữ	01/02/1995	Bến Tre	
201	18	26.01.06.0694	Nguyễn Hải Quỳnh	My	Nữ	18/05/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
202	19	26.01.06.0695	Đỗ Thị Diễm	My	Nữ	15/10/1993	Tỉnh Bình Thuận	
203	20	26.01.06.0696	Đoàn Thị Kim	Ngoan	Nữ	02/01/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
204	21	26.01.06.0702	Nguyễn Văn	Nhôm	Nam	08/07/1979	Tỉnh An Giang	
205	22	26.01.06.0703	Lý Thị Huỳnh	Nhung	Nữ	31/03/1996	Tỉnh Đồng Tháp	
206	23	26.01.06.0705	Cao Hồng Liên	Phương	Nữ	13/05/1995	Tỉnh An Giang	
207	24	26.01.06.0706	Lương Lai	Quang	Nam	21/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
208	25	26.01.06.0709	Võ Hoài	Quyên	Nữ	02/09/1995	Tỉnh Bình Định	
209	26	26.01.06.0710	Nguyễn Huy	Quyên	Nam	19/05/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
210	27	26.01.06.0712	Nguyễn Vũ Mai	Tâm	Nữ	04/02/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
211	28	26.01.06.0713	Trần Anh	Tâm	Nữ	19/04/1997	Tỉnh Khánh Hòa	
212	29	26.01.06.0716	Nguyễn Hữu	Thắng	Nam	20/05/1978	Tỉnh Gia Lai	
213	30	26.01.06.0718	Phan Ngọc	Thiện	Nam	13/06/2000	Tỉnh Lâm Đồng	
214	31	26.01.06.0719	Võ Đan	Thuận	Nam	22/06/1997	Tỉnh Đồng Tháp	
215	32	26.01.06.0720	Lê Thị Thanh	Thư	Nữ	11/05/1996	Tỉnh Quảng Ngãi	
216	33	26.01.06.0721	Ngô Khánh	Thy	Nam	05/10/1998	Tỉnh Long An	
217	34	26.01.06.0724	Huỳnh Văn	Tiến	Nam	20/10/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	
218	35	26.01.06.0725	Nguyễn Thanh	Toàn	Nam	15/10/1984	Tỉnh Kiên Giang	
219	36	26.01.06.0726	Trần Minh	Trang	Nữ	23/12/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
220	37	26.01.06.0727	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	Nữ	05/03/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
221	38	26.01.06.0728	Trần Ngọc	Trâm	Nữ	31/03/1994	Tỉnh An Giang	
222	39	26.01.06.0730	Lâm Thị Tuyết	Trinh	Nữ	20/06/2000	Tỉnh Tây Ninh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
223	40	26.01.06.0734	Hà Chí	Trung	Nam	05/12/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
224	41	26.01.06.0735	Trần Bá Anh	Tuấn	Nam	19/09/1997	Tỉnh Kiên Giang	
225	42	26.01.06.0737	Phan Đoàn Minh	Tuấn	Nam	11/10/1997	Tỉnh Đồng Nai	
226	43	26.01.06.0738	Nguyễn Trọng	Tuệ	Nam	26/05/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
227	44	26.01.06.0740	Nguyễn Minh	Tú	Nam	31/10/1992	Tỉnh Tiền Giang	
228	45	26.01.06.0743	Nguyễn Triệu	Vỹ	Nam	24/07/1998	Thành phố Cần Thơ	
CHUYÊN NGÀNH: HUYẾT HỌC					5			
229	1	26.01.07.0746	Phan Thị Thùy	Dương	Nữ	16/12/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
230	2	26.01.07.0747	Phan Nguyễn Minh	Hạnh	Nữ	17/11/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
231	3	26.01.07.0748	Nguyễn Phi	Lix	Nam	26/04/1996	Tỉnh Bạc Liêu	
232	4	26.01.07.0749	Nguyễn Văn	Thạo	Nam	24/04/1979	Tỉnh Long An	
233	5	26.01.07.0750	Phạm Đình	Văn	Nam	01/04/2000	Tỉnh Ninh Thuận	
CHUYÊN NGÀNH: NỘI TỔNG QUÁT					63			
234	1	26.01.10.0968	Nguyễn Tấn	An	Nam	08/07/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
235	2	26.01.10.0975	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	05/08/1995	Tỉnh Thái Bình	
236	3	26.01.10.0976	Lưu Tuyết	Ân	Nữ	19/09/1998	Kiên Giang	
237	4	26.01.10.0983	Nguyễn Văn	Chánh	Nam	28/09/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
238	5	26.01.10.0991	Đỗ Quốc	Cường	Nam	08/08/1999	Bình Dương	
239	6	26.01.10.0996	Hoàng Thị Mỹ	Dung	Nữ	19/08/1995	Tỉnh Quảng Trị	
240	7	26.01.10.0997	Dương Nguyễn	Duy	Nam	16/05/1997	Tỉnh Tây Ninh	
241	8	26.01.10.1001	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	Nữ	17/11/2000	Tỉnh Đắk Lắk	
242	9	26.01.10.1008	Nguyễn Hoàng Tâm	Đan	Nữ	28/12/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
243	10	26.01.10.1011	Lê Nguyễn Quý	Đạt	Nam	23/06/2000	Tỉnh Lâm Đồng	
244	11	26.01.10.1014	Phạm Hữu Việt	Đức	Nam	09/02/1998	Thành phố Hải Phòng	
245	12	26.01.10.1016	Trương Văn	Đức	Nam	04/03/1993	Tỉnh Kiên Giang	
246	13	26.01.10.1019	Bùi Mạnh	Hà	Nam	16/10/1992	Tỉnh Ninh Bình	
247	14	26.01.10.1030	Trần Thu	Hoài	Nữ	26/11/1996	Tỉnh Ninh Bình	
248	15	26.01.10.1033	Nguyễn Thái	Hòa	Nam	25/05/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
249	16	26.01.10.1037	Phùng Ngọc	Huy	Nam	09/10/2000	Bình Định	
250	17	26.01.10.1038	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	21/04/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
251	18	26.01.10.1039	Nguyễn Trần Đức	Huy	Nam	02/01/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
252	19	26.01.10.1046	Nguyễn Duy	Khanh	Nam	09/04/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
253	20	26.01.10.1052	Trần Đăng	Khoa	Nam	13/10/1997	Thành phố Cần Thơ	
254	21	26.01.10.1055	Nguyễn Huy	Khôi	Nam	30/03/1998	Tỉnh Khánh Hòa	
255	22	26.01.10.1057	Phạm Tuấn	Kiệt	Nam	25/01/1999	Tỉnh Đồng Nai	
256	23	26.01.10.1060	Phạm Thiên	Kim	Nữ	01/05/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
257	24	26.01.10.1064	Phạm Mỹ	Linh	Nữ	26/11/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
258	25	26.01.10.1069	Siu H'	Lôm	Nữ	23/09/1997	Tỉnh Gia Lai	
259	26	26.01.10.1072	Lê Nhật	Mai	Nữ	23/12/2000	Tỉnh Đồng Tháp	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
260	27	26.01.10.1081	Hồ Thị Nga		Nữ	05/03/2000	Đắk Lắk	
261	28	26.01.10.1084	Đỗ Thị Thùy Ngân		Nữ	12/08/1997	Thành phố Đà Nẵng	
262	29	26.01.10.1085	Huỳnh Thành Nghĩa		Nam	02/01/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
263	30	26.01.10.1087	Phạm Minh Ngọc		Nữ	16/03/1995	Tỉnh Tây Ninh	
264	31	26.01.10.1090	Nguyễn Cao Nhân		Nam	06/12/1995	Tỉnh Đồng Tháp	
265	32	26.01.10.1093	Nguyễn Kim Khánh Nhật		Nam	02/07/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
266	33	26.01.10.1094	Ngô Minh Nhật		Nam	20/10/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
267	34	26.01.10.1095	Võ Thị Yến Nhi		Nữ	01/10/1999	Quảng Nam	
268	35	26.01.10.1100	Trần Thị Quỳnh Như		Nữ	24/08/2000	Tỉnh An Giang	
269	36	26.01.10.1103	Trần Thị Oanh		Nữ	05/08/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
270	37	26.01.10.1112	Phạm Thanh Phong		Nam	19/07/1999	Bình Dương	
271	38	26.01.10.1115	Nguyễn Quang Phú		Nam	04/01/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
272	39	26.01.10.1116	Phạm Quang Phú		Nam	09/08/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
273	40	26.01.10.1133	Nguyễn Minh Quang		Nam	22/02/1998	Tiền Giang	
274	41	26.01.10.1134	Tăng Tiến Quang		Nam	16/02/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
275	42	26.01.10.1139	Trần Thị Như Quỳnh		Nữ	10/10/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
276	43	26.01.10.1140	Hà Ngọc Thảo Quỳnh		Nữ	06/11/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
277	44	26.01.10.1141	Trần Hoàng Quý		Nam	01/09/1999	Bình Thuận	
278	45	26.01.10.1143	Đỗ Phúc Sinh		Nam	12/02/1997	Tỉnh Bình Định	
279	46	26.01.10.1145	Hà Công Thái Sơn		Nam	04/07/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
280	47	26.01.10.1148	Vũ Thị Hồng Tâm		Nữ	18/06/1994	Tỉnh Gia Lai	
281	48	26.01.10.1149	Nguyễn Thị Tâm		Nữ	01/05/1995	Tỉnh Hà Tĩnh	
282	49	26.01.10.1151	Võ Hoàng Tân		Nam	10/12/2000	Tỉnh Đồng Tháp	
283	50	26.01.10.1152	Nguyễn Trường Tân		Nam	25/08/1991	Tỉnh Tây Ninh	
284	51	26.01.10.1157	Trương Thanh Thảo		Nữ	07/10/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
285	52	26.01.10.1172	Huỳnh Thị Mộng Thúy		Nữ	21/03/1995	Tỉnh Quảng Ngãi	
286	53	26.01.10.1173	Nguyễn Hoàng Anh Thư		Nữ	22/10/1999	Tỉnh Lâm Đồng	
287	54	26.01.10.1179	Nguyễn Thành Thương		Nam	14/02/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
288	55	26.01.10.1181	Thái Công Tiến		Nam	07/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
289	56	26.01.10.1190	Nguyễn Thị Thanh Trâm		Nữ	05/12/1998	tỉnh Quảng Nam	
290	57	26.01.10.1192	Võ Thị Băng Trâm		Nữ	23/02/1997	Tỉnh Bến Tre	
291	58	26.01.10.1194	Âu Dương Bảo Trân		Nữ	16/11/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
292	59	26.01.10.1195	Võ Minh Trí		Nam	30/11/1996	Bình Thuận	
293	60	26.01.10.1197	Tạ Kế Trung		Nam	14/09/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
294	61	26.01.10.1198	Ngô Lâm Hữu Trung		Nam	19/04/1998	Tỉnh An Giang	
295	62	26.01.10.1208	Vũ Ngọc Phương Uyên		Nữ	07/03/2000	Tỉnh Lâm Đồng	
296	63	26.01.10.1211	Trương Hoàng Việt		Nam	30/09/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: NGOẠI TỔNG QUÁT				15		
297	1	26.01.12.0752	Cát Huy Anh		Nam	03/09/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
298	2	26.01.12.0755	Thân Thị Uyên	Chi	Nữ	04/11/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
299	3	26.01.12.0756	Trần Nhật	Duy	Nam	30/03/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
300	4	26.01.12.0758	Nguyễn Mạnh Trường	Dũng	Nam	24/09/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
301	5	26.01.12.0763	Lưu Hồ Đình	Đức	Nam	11/12/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
302	6	26.01.12.0765	Trương Bảo	Hiệp	Nam	04/01/2000	Tỉnh Đắk Lắk	
303	7	26.01.12.0767	Nguyễn Thanh	Hiển	Nam	29/04/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
304	8	26.01.12.0772	Lê Hoàng	Khải	Nam	16/05/1999	Tỉnh Tây Ninh	
305	9	26.01.12.0774	Nguyễn Duy	Khuong	Nam	24/03/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
306	10	26.01.12.0776	Phạm Thành	Kông	Nam	18/04/1995	Tỉnh Bình Định	
307	11	26.01.12.0778	Nguyễn Trương Trọng	Nghĩa	Nam	07/02/1996	Tỉnh An Giang	
308	12	26.01.12.0781	Huỳnh Đạt	Phú	Nam	01/12/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
309	13	26.01.12.0782	Nguyễn Hồng	Quân	Nam	07/05/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
310	14	26.01.12.0783	Lê Đan	Ta	Nam	13/07/1998	Tỉnh Tây Ninh	
311	15	26.01.12.0785	Nguyễn Thành	Tân	Nam	06/11/1999	Thành phố Cần Thơ	
		CHUYỂN NGÀNH: NHÂN KHOA				40		
312	1	26.01.08.0796	Nguyễn Phan Minh	Anh	Nữ	02/11/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
313	2	26.01.08.0797	Nguyễn Duy	Anh	Nam	11/01/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
314	3	26.01.08.0800	Đình Gia Hoài	Bào	Nam	24/08/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
315	4	26.01.08.0802	Trương Đình	Chung	Nam	24/01/1996	Tỉnh Thanh Hóa	
316	5	26.01.08.0808	Ngô Thị Anh	Đào	Nữ	10/12/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
317	6	26.01.08.0809	La Quốc	Đạt	Nam	21/01/2000	Tỉnh Vĩnh Long	
318	7	26.01.08.0810	Lê Hiền	Đức	Nam	11/06/2000	Tỉnh Gia Lai	
319	8	26.01.08.0812	Hoàng Thúy	Hải	Nữ	30/12/1998	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	
320	9	26.01.08.0813	Phan Thị Như	Hào	Nữ	02/12/1999	Tỉnh Bình Thuận	
321	10	26.01.08.0814	Trịnh Thị Thu	Hằng	Nữ	14/08/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
322	11	26.01.08.0816	Lục Thị	Hiển	Nữ	05/01/2000	Tỉnh Nam Định	
323	12	26.01.08.0822	Bùi Quốc	Huy	Nam	24/01/1997	Tỉnh Khánh Hòa	
324	13	26.01.08.0825	Võ Ngọc	Khánh	Nam	15/08/1997	Tỉnh Cà Mau	
325	14	26.01.08.0826	Nguyễn Ngọc Đăng	Khoa	Nam	27/08/1997	Thành phố Cần Thơ	
326	15	26.01.08.0828	Đặng Thị Thu	Lan	Nữ	27/02/2000	Tỉnh Đắk Lắk	
327	16	26.01.08.0829	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	02/10/1993	Tỉnh Nghệ An	
328	17	26.01.08.0830	Trần Thị Ngọc	Loan	Nữ	17/07/1991	Bình Thuận	
329	18	26.01.08.0832	Phạm Thành	Luân	Nam	16/11/1999	Tỉnh Đồng Nai	
330	19	26.01.08.0837	Trần Thanh Như	Ngọc	Nữ	23/08/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
331	20	26.01.08.0838	Lê Thị Thảo	Nguyên	Nữ	20/10/1995	Tỉnh Quảng Ngãi	
332	21	26.01.08.0839	Trương Phước Thanh	Nguyên	Nữ	18/02/2000	Tỉnh Ninh Thuận	
333	22	26.01.08.0845	Dương Thị Hồng	Nhung	Nữ	23/12/2000	Thành phố Cần Thơ	
334	23	26.01.08.0846	Châu Huỳnh	Như	Nữ	14/09/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
335	24	26.01.08.0849	Phạm Thị Tổ	Như	Nữ	19/09/1999	Tỉnh Tây Ninh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
336	25	26.01.08.0850	Kiến Thị Hồng	Phúc	Nữ	15/02/1996	Tỉnh Trà Vinh	
337	26	26.01.08.0851	Trần Hoàng	Phúc	Nam	15/02/1985	Thành phố Cần Thơ	
338	27	26.01.08.0852	Lê Thị Mỹ	Phụng	Nữ	04/08/2000	Tỉnh An Giang	
339	28	26.01.08.0853	Phan Minh	Tài	Nam	10/08/1996	Tỉnh An Giang	
340	29	26.01.08.0854	Lê Thị	Tâm	Nữ	10/01/1991	Tỉnh Thanh Hóa	
341	30	26.01.08.0857	Thái Quân	Thắng	Nam	27/07/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
342	31	26.01.08.0861	Kiến Gia	Thức	Nam	15/09/2000	Tỉnh Trà Vinh	
343	32	26.01.08.0863	Bùi Thị Mỹ	Tiên	Nữ	15/01/2000	Tỉnh An Giang	
344	33	26.01.08.0865	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	Nữ	19/01/1997	Tỉnh Đồng Nai	
345	34	26.01.08.0866	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trâm	Nữ	23/04/1998	Tỉnh Bình Định	
346	35	26.01.08.0867	Phan Thị Mỹ	Trình	Nữ	06/03/1999	Tỉnh Bình Định	
347	36	26.01.08.0871	Trần Lê Cẩm	Tú	Nữ	02/07/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
348	37	26.01.08.0873	Nguyễn Thị Khánh	Vân	Nữ	26/10/2000	Tỉnh Thái Bình	
349	38	26.01.08.0874	Nguyễn Trần Thụy Ái	Vi	Nữ	10/07/1994	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	
350	39	26.01.08.0875	Đoàn Thảo	Vy	Nữ	24/12/1997	Tỉnh An Giang	
351	40	26.01.08.0876	Cao Thanh	Xuân	Nữ	07/09/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
		CHUYÊN NGÀNH: NHI KHOA				57		
352	1	26.01.09.0878	Đình Việt	Anh	Nam	12/10/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
353	2	26.01.09.0880	Nguyễn Thụy Lan	Anh	Nữ	21/09/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
354	3	26.01.09.0881	Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	12/06/1997	Tỉnh Nam Định	
355	4	26.01.09.0883	Đoàn Phương	Bắc	Nam	20/11/1996	Tỉnh Gia Lai	
356	5	26.01.09.0886	Lê Ngọc	Dung	Nữ	25/04/1998	Long An	
357	6	26.01.09.0887	Cù Thị Kim	Dung	Nữ	20/02/1989	Tỉnh Lâm Đồng	
358	7	26.01.09.0888	Trần Quang	Duy	Nam	15/11/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
359	8	26.01.09.0890	Trần Thị Mỹ	Duyên	Nữ	12/06/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
360	9	26.01.09.0891	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	28/02/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
361	10	26.01.09.0893	Nguyễn Hoàng Cẩm	Giang	Nữ	30/06/1995	Tỉnh Đồng Nai	
362	11	26.01.09.0895	Lê Thanh	Hà	Nam	18/05/1995	Nam Hà	
363	12	26.01.09.0896	Trần Doãn	Hào	Nam	18/10/2000	Tỉnh Đồng Nai	
364	13	26.01.09.0897	Nguyễn Trung	Hào	Nam	12/01/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
365	14	26.01.09.0898	Phan Thị Lệ	Hằng	Nữ	17/11/1995	Ninh Thuận	
366	15	26.01.09.0899	Trần Ngọc	Hân	Nữ	20/08/1998	Thành phố Cần Thơ	
367	16	26.01.09.0900	Lê Văn	Hiếu	Nam	15/03/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
368	17	26.01.09.0902	Nguyễn Thị Mỹ	Hiệp	Nữ	16/03/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
369	18	26.01.09.0903	Lê Văn	Hùng	Nam	21/03/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
370	19	26.01.09.0907	Phạm Tĩnh Hồng	Kim	Nam	22/03/1992	Bà Rịa Vũng Tàu	
371	20	26.01.09.0908	Nguyễn Thị	Liểu	Nữ	25/02/1994	Kiên Giang	
372	21	26.01.09.0909	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	26/08/1997	Bình Định	
373	22	26.01.09.0910	Trương Thị Mỹ	Linh	Nữ	26/03/1988	Tỉnh An Giang	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú	
374	23	26.01.09.0911	Nguyễn Hoàng Lam	Linh	Nữ	25/08/1997	Tiền Giang		
375	24	26.01.09.0912	Lương Thị Kim	Long	Nữ	23/11/1995	Sông Bé		
376	25	26.01.09.0913	Nguyễn Đình	Long	Nam	05/02/1999	Khánh Hoà		
377	26	26.01.09.0914	Huỳnh Phước	Lộc	Nam	17/05/1996	Trà Vinh		
378	27	26.01.09.0916	Phạm Ngọc	Minh	Nữ	02/04/2000	Trà Vinh		
379	28	26.01.09.0917	Vũ Thị Thanh	Nga	Nữ	12/11/1994	Tỉnh Đắk Lắk		
380	29	26.01.09.0918	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	04/04/1997	Tỉnh Đắk Lắk		
381	30	26.01.09.0920	Đào Thị Như	Ngọc	Nữ	06/03/1999	Tỉnh Đắk Lắk		
382	31	26.01.09.0922	Hà	Nhân	Nam	24/09/1994	Tỉnh Đắk Lắk		
383	32	26.01.09.0924	Nguyễn Anh	Như	Nữ	01/08/2000	Tỉnh Đắk Lắk		
384	33	26.01.09.0925	Lương Thị	Niệm	Nữ	13/06/1994	Tỉnh Đắk Lắk		
385	34	26.01.09.0928	Trịnh Quang	Phổ	Nam	21/03/1995	Tỉnh Đắk Lắk		
386	35	26.01.09.0929	Võ Đức	Phú	Nam	19/09/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
387	36	26.01.09.0930	Võ Thị Mai	Phương	Nữ	23/12/1998	Tỉnh Đắk Lắk		
388	37	26.01.09.0933	Nguyễn Phước	Quỳnh	Nữ	25/05/1998	Tỉnh Bình Định		
389	38	26.01.09.0934	Lê Thị Kim	Sa	Nữ	10/03/1993	Thành phố Huế		
390	39	26.01.09.0935	Giang Gia	San	Nữ	19/02/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
391	40	26.01.09.0937	Phan Khắc	Tân	Nam	23/01/1987	Tỉnh Đồng Nai		
392	41	26.01.09.0939	Nguyễn Phúc	Thịnh	Nam	11/08/1997	Thành phố Hồ Chí Minh		
393	42	26.01.09.0940	Nguyễn Lê Tiến	Thịnh	Nam	09/12/1999	Tỉnh Quảng Ngãi		
394	43	26.01.09.0941	Nguyễn Hoàng Diệu	Thúy	Nữ	12/08/1999	Thành phố Cần Thơ		
395	44	26.01.09.0942	Phan Thanh	Thùy	Nữ	27/06/1996	tỉnh Sóc Trăng		
396	45	26.01.09.0943	Tăng Lâm Anh	Thư	Nữ	18/10/2000	Trà Vinh		
397	46	26.01.09.0944	Đặng Thị Hoài	Thương	Nữ	14/11/1991	Ninh Thuận		
398	47	26.01.09.0945	Đinh Tấn Quỳnh	Thy	Nữ	07/01/1996	Thành phố Hồ Chí Minh		
399	48	26.01.09.0946	Châu Nguyễn Thùy	Tiên	Nữ	24/05/1997	Tỉnh An Giang		
400	49	26.01.09.0947	Trần Minh	Tiến	Nam	12/10/1994	Tỉnh Bến Tre		
401	50	26.01.09.0949	Trần Thị Mỹ	Trang	Nữ	30/09/1997	Tỉnh Gia Lai		
402	51	26.01.09.0951	Hà Thị Diễm	Trinh	Nữ	07/07/1997	Tỉnh Đồng Nai		
403	52	26.01.09.0952	Lê Đoàn Phương	Trinh	Nữ	18/11/1996	Thành phố Hồ Chí Minh		
404	53	26.01.09.0953	Lê Thúy Kiều	Trinh	Nữ	06/12/1999	Tỉnh Quảng Trị		
405	54	26.01.09.0956	Phạm Lê Anh	Tuấn	Nam	06/05/1998	Tỉnh Đắk Lắk		
406	55	26.01.09.0958	Đặng Ngô Anh	Tú	Nữ	12/02/1996	Thành phố Hồ Chí Minh		
407	56	26.01.09.0960	Lê Ngọc	Văn	Nam	30/07/1996	Tỉnh Thanh Hóa		
408	57	26.01.09.0963	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	05/7/1996	Tỉnh Đồng Nai		
		CHUYÊN NGÀNH: PHẪU THUẬT TẠO HÌNH - THẨM MỸ				26			
409	1	26.01.13.1221	Đinh Mạnh	Công	Nam	04/11/1999	Kon Tum		
410	2	26.01.13.1224	Hóa Công Hoàng Thùy	Dương	Nữ	03/06/1999	Tỉnh Đắk Lắk		
411	3	26.01.13.1226	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	22/10/1984	Tỉnh Vĩnh Long		

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
412	4	26.01.13.1232	Phan Ngọc	Hồ	Nam	09/12/1997	Phú Yên	
413	5	26.01.13.1235	Hoàng Trần Lan	Huyền	Nữ	15/09/1996	Đắk Lắk	
414	6	26.01.13.1236	Lê Thanh	Hùng	Nam	28/10/1998	Tỉnh Khánh Hòa	
415	7	26.01.13.1238	Phan Nguyễn Vương	Khang	Nam	30/11/1997	Tỉnh Đồng Nai	
416	8	26.01.13.1240	Trần Gia	Linh	Nữ	12/09/1998	Tỉnh Đồng Tháp	
417	9	26.01.13.1244	Nguyễn Công	Lý	Nam	27/07/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
418	10	26.01.13.1245	Lê Thanh	Lý	Nữ	09/01/1997	Tỉnh Gia Lai	
419	11	26.01.13.1246	Nguyễn Phương	Nam	Nam	05/11/1997	Thái Bình	
420	12	26.01.13.1251	Nguyễn Minh	Nguyệt	Nữ	01/03/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
421	13	26.01.13.1252	Huỳnh Thị Công	Nhận	Nữ	15/07/1994	Tỉnh Khánh Hòa	
422	14	26.01.13.1253	Trần Phương Uyên	Nhi	Nữ	09/01/1998	Tỉnh Gia Lai	
423	15	26.01.13.1257	Trần Lương Vinh	Phúc	Nam	27/09/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
424	16	26.01.13.1259	Đình Hoàng	Son	Nam	29/03/1995	Tỉnh Tuyên Quang	
425	17	26.01.13.1263	Đặng Thị Thu	Thảo	Nữ	30/11/1995	Sông Bé	
426	18	26.01.13.1265	Vũ Minh	Thắng	Nam	29/03/1996	Hà Nội	
427	19	26.01.13.1266	Võ Hoàng	Thắng	Nam	01/07/1995	Bình Định	
428	20	26.01.13.1267	Lương Công	Thiện	Nam	15/07/2000	Bình Dương	
429	21	26.01.13.1269	Đặng Hoàng	Thịnh	Nam	10/01/2000	Long An	
430	22	26.01.13.1270	Lê Hoàng	Thơ	Nữ	04/06/1997	Long An	
431	23	26.01.13.1271	Trần Huỳnh Anh	Thư	Nữ	08/12/1996	Quảng Nam	
432	24	26.01.13.1274	Nguyễn Trần Thủy	Trang	Nữ	24/11/1999	Tỉnh Lâm Đồng	
433	25	26.01.13.1276	Hồ Ngọc	Trinh	Nữ	01/03/1994	Đà Nẵng	
434	26	26.01.13.1282	Đỗ Đình Thảo	Vy	Nữ	07/01/1997	Tỉnh Đồng Nai	
		CHUYÊN NGÀNH: RĂNG HÀM MẶT				13		
435	1	26.01.32.1283	Thái Kim	Châu	Nữ	27/10/1989	Tỉnh Đồng Tháp	
436	2	26.01.32.1284	Nguyễn Trần Nhật	Duy	Nam	20/09/2000	Tỉnh Lâm Đồng	
437	3	26.01.32.1288	Trần Anh Hương Thái	Huy	Nam	29/09/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
438	4	26.01.32.1289	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	Nữ	11/11/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
439	5	26.01.32.1291	Lê Thị Yến	Nhi	Nữ	21/02/1999	Tỉnh Quảng Trị	
440	6	26.01.32.1292	Nguyễn Vũ Nhật	Quang	Nam	16/12/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
441	7	26.01.32.1293	Nguyễn Thị Vân	Quyên	Nữ	20/09/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
442	8	26.01.32.1294	Trần Bá	Thành	Nam	23/03/1999	Tỉnh Đồng Nai	
443	9	26.01.32.1296	Lê Đức	Tiến	Nam	27/04/1996	Đắk Nông	
444	10	26.01.32.1297	Huỳnh Xuân	Trúc	Nữ	20/03/1995	Bình Định	
445	11	26.01.32.1298	Võ Diệu	Uyên	Nữ	10/12/1999	Tỉnh Lâm Đồng	
446	12	26.01.32.1299	Phan Thị Mỹ	Uyên	Nữ	17/11/2000	Tỉnh Tây Ninh	
447	13	26.01.32.1300	Nguyễn Ngọc Như	Ý	Nữ	12/04/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: SẢN PHỤ KHOA				58		
448	1	26.01.15.1302	Nguyễn Hồ Thùy	An	Nữ	20/08/1997	Tỉnh Đắk Lắk	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
449	2	26.01.15.1303	Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	02/02/2000	Tỉnh Lâm Đồng	
450	3	26.01.15.1310	Nguyễn Minh	Anh	Nữ	07/04/2000	Kiên Giang	
451	4	26.01.15.1311	Võ Thị Thúy	Ái	Nữ	12/10/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
452	5	26.01.15.1322	Huỳnh Thị Thùy	Dương	Nữ	06/12/1997	Thành phố Cần Thơ	
453	6	26.01.15.1323	Phạm Văn	Dương	Nam	18/05/1997	Tỉnh An Giang	
454	7	26.01.15.1326	Lê Thị Xuân	Đào	Nữ	15/05/1999	Tiền Giang	
455	8	26.01.15.1330	Trần Tiến	Đạt	Nam	20/11/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
456	9	26.01.15.1336	Nguyễn Võ Ngọc	Hà	Nữ	27/11/1997	Tỉnh Đồng Tháp	
457	10	26.01.15.1338	Võ Thu	Hà	Nữ	10/01/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
458	11	26.01.15.1347	Nguyễn Văn	Hiệp	Nam	20/02/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
459	12	26.01.15.1353	Hoàng Tuấn	Huy	Nam	01/11/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
460	13	26.01.15.1355	Phan Thị Thanh	Huyền	Nữ	28/12/1999	Bắc Giang	
461	14	26.01.15.1356	Đỗ	Hùng	Nam	28/02/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
462	15	26.01.15.1361	Lưu Ngọc Minh	Khuê	Nữ	04/03/1999	Long An	
463	16	26.01.15.1364	Trần Niên	Ký	Nam	06/05/1999	Thành phố Đà Nẵng	
464	17	26.01.15.1369	Ngô Thị Mỹ	Linh	Nữ	28/11/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
465	18	26.01.15.1372	Nguyễn Thị Thuý	Linh	Nữ	13/12/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
466	19	26.01.15.1384	Phạm Minh	Luân	Nam	20/04/1990	Long An	
467	20	26.01.15.1387	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	31/07/1999	Phú Yên	
468	21	26.01.15.1388	Lê Đặng Phương	Mai	Nữ	31/03/2000	Tỉnh Cà Mau	
469	22	26.01.15.1391	Dương Khải	Minh	Nam	25/06/2000	Tỉnh Tây Ninh	
470	23	26.01.15.1392	Trần Tuấn	Minh	Nam	23/02/1997	Tỉnh Nghệ An	
471	24	26.01.15.1393	Nguyễn Thị Thu	Ngân	Nữ	03/12/1999	Long An	
472	25	26.01.15.1398	Trần Kim	Ngọc	Nữ	22/07/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
473	26	26.01.15.1399	Nguyễn Như	Ngọc	Nữ	24/09/2000	Tỉnh Lâm Đồng	
474	27	26.01.15.1401	Bùi Lâm Mộng	Ngọc	Nữ	23/12/1999	Bình Định	
475	28	26.01.15.1402	Nguyễn Hồng	Nguyên	Nữ	29/08/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	
476	29	26.01.15.1408	Nguyễn Uyên	Nhi	Nữ	26/12/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
477	30	26.01.15.1413	Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	19/01/2000	Bình Thuận	
478	31	26.01.15.1416	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Như	Nữ	04/01/2000	Long An	
479	32	26.01.15.1417	Lê Thị Thanh	Nữ	Nữ	11/11/1995	Bình Định	
480	33	26.01.15.1423	Lê Thị Nam	Phương	Nữ	01/05/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
481	34	26.01.15.1426	Phạm Thị Hồng	Phượng	Nữ	01/04/1999	Tỉnh Gia Lai	
482	35	26.01.15.1431	Nguyễn Ngọc Tú	Quỳnh	Nữ	07/03/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
483	36	26.01.15.1435	Ngô Tuệ	Tâm	Nam	24/03/2000	Bình Định	
484	37	26.01.15.1436	Trần Văn	Tân	Nam	09/03/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
485	38	26.01.15.1438	Châu Thanh	Thảo	Nữ	02/05/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
486	39	26.01.15.1439	Lê	Thành	Nam	26/08/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
487	40	26.01.15.1444	Nguyễn Thị Minh	Thị	Nữ	01/03/1999	Bình Thuận	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
488	41	26.01.15.1446	Trần Thị Anh	Thi	Nữ	25/06/1993	Bến Tre	
489	42	26.01.15.1447	Phan Minh	Thiện	Nam	16/11/1993	Sông Bé	
490	43	26.01.15.1459	Vũ Phạm Minh	Thy	Nữ	25/05/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
491	44	26.01.15.1466	Ngô Thiện	Toàn	Nam	11/10/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
492	45	26.01.15.1473	Lê Thị Thuỳ	Trang	Nữ	31/07/1997	Bình Phước	
493	46	26.01.15.1474	Phạm Thị Thùy	Trang	Nữ	04/03/1999	Kiên Giang	
494	47	26.01.15.1477	Phạm Thanh	Trà	Nam	29/09/1994	Thành phố Cần Thơ	
495	48	26.01.15.1478	Phan Thuý	Trâm	Nữ	04/09/1999	Bình Định	
496	49	26.01.15.1483	Trần Nguyễn Quế	Trân	Nữ	02/10/1999	Phú Yên	
497	50	26.01.15.1492	Hoàng Thanh	Tuấn	Nam	10/10/1996	Quảng Bình	
498	51	26.01.15.1493	Nguyễn Phước Thanh	Tuyền	Nữ	13/12/1997	Quảng Nam	
499	52	26.01.15.1497	Dương Hiền	Uy	Nam	31/03/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
500	53	26.01.15.1498	Nguyễn Trịnh Tú	Uyên	Nữ	16/08/1997	Long An	
501	54	26.01.15.1501	Trần Nhật	Uyên	Nữ	28/02/1998	Trà Vinh	
502	55	26.01.15.1502	Phạm Trà Phương	Uyên	Nữ	04/02/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
503	56	26.01.15.1504	Trần Ái	Vân	Nữ	30/11/1999	Bình Định	
504	57	26.01.15.1512	Lê Thị Thanh	Xuân	Nữ	24/02/1999	Tỉnh Đồng Nai	
505	58	26.01.15.1513	Trần Phạm Ái	Xuân	Nữ	25/05/1999	Tỉnh Vĩnh Long	
		CHUYÊN NGÀNH: TAI MŨI HỌNG				30		
506	1	26.01.16.1517	Nguyễn Phan Hoàng	Anh	Nam	17/06/2000	Bình Phước	
507	2	26.01.16.1519	Võ Huỳnh Phúc	Bảo	Nam	08/12/1999	Tiền Giang	
508	3	26.01.16.1521	Võ Thị Quý	Châu	Nữ	04/01/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
509	4	26.01.16.1525	Lê Bùi Tiến	Dũng	Nam	21/12/1999	Tỉnh Đồng Nai	
510	5	26.01.16.1526	Nguyễn Thiên	Dương	Nam	23/08/2000	Bạc Liêu	
511	6	26.01.16.1529	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	20/02/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
512	7	26.01.16.1531	Trần Phước	Hải	Nam	16/08/1999	Thành phố Đà Nẵng	
513	8	26.01.16.1534	Nguyễn Xuân	Hãn	Nam	14/07/1998	Tỉnh Đồng Nai	
514	9	26.01.16.1535	Trần Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	24/02/1998	Nam Định	
515	10	26.01.16.1536	Lương Thị Hồng	Hạnh	Nữ	25/02/1996	Tỉnh Gia Lai	
516	11	26.01.16.1539	Phạm Hải	Hòa	Nam	25/02/1992	Sông Bé	
517	12	26.01.16.1541	Lê Thị	Hội	Nữ	10/04/1998	Tỉnh Đồng Nai	
518	13	26.01.16.1542	Nguyễn Đăng	Huy	Nam	14/03/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
519	14	26.01.16.1546	Nguyễn Hữu	Hùng	Nam	01/11/1999	Tỉnh Hưng Yên	
520	15	26.01.16.1552	Nguyễn Cao	Kỳ	Nam	08/12/1993	Tỉnh Khánh Hòa	
521	16	26.01.16.1558	Nguyễn Lê Phương	Ngân	Nữ	03/08/1999	Bình Định	
522	17	26.01.16.1559	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	10/08/1999	Tỉnh An Giang	
523	18	26.01.16.1560	Nguyễn Đoàn Bảo	Nguyễn	Nữ	23/12/2000	Tỉnh Gia Lai	
524	19	26.01.16.1564	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	Nữ	05/04/2000	Tỉnh Gia Lai	
525	20	26.01.16.1566	Lôi Quốc	Oai	Nam	27/10/1999	Tỉnh An Giang	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
526	21	26.01.16.1570	Phạm Trường Phú	Sỹ	Nam	02/05/1999	Tỉnh Quảng Ngãi	
527	22	26.01.16.1573	Nguyễn Thanh	Tân	Nam	11/06/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
528	23	26.01.16.1574	Lê Huy Thu	Thào	Nữ	29/06/2000	Bình Định	
529	24	26.01.16.1576	Nguyễn Thị Thu	Thào	Nữ	21/01/1996	Tỉnh Gia Lai	
530	25	26.01.16.1577	Võ Hồng	Thắng	Nam	30/05/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
531	26	26.01.16.1581	Võ Lê Uyên	Thư	Nữ	30/06/1994	Sông Bé	
532	27	26.01.16.1584	Hà Minh	Trang	Nữ	27/12/2000	Bình Định	
533	28	26.01.16.1586	Phạm Quang	Trương	Nam	02/02/2000	Tỉnh Đồng Nai	
534	29	26.01.16.1596	Hồ Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	20/03/2000	Bến Tre	
535	30	26.01.16.1597	Lâm Như	Ý	Nữ	15/12/2000	Tỉnh Đồng Tháp	
CHUYÊN NGÀNH: TÂM THẦN					12			
536	1	26.01.18.1599	Hoàng Thị Lan	Anh	Nữ	20/12/1999	Tỉnh Vĩnh Phúc	
537	2	26.01.18.1602	Nguyễn Thành	Danh	Nam	20/01/2000	Tỉnh Long An	
538	3	26.01.18.1605	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	Nữ	01/08/1996	Tỉnh Quảng Ngãi	
539	4	26.01.18.1606	Trần Nguyễn Hương	Giang	Nữ	18/12/1997	Tỉnh Phú Yên	
540	5	26.01.18.1613	Vy Thị	Lệ	Nữ	12/01/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
541	6	26.01.18.1615	Bùi Khánh	Linh	Nữ	27/01/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
542	7	26.01.18.1616	Nguyễn Hạnh	Mạnh	Nam	23/01/1996	Tỉnh Gia Lai	
543	8	26.01.18.1620	Nguyễn Thiên	Ngân	Nữ	03/02/1999	Tỉnh Trà Vinh	
544	9	26.01.18.1623	Nguyễn Thanh	Nhàn	Nữ	11/01/1999	Tỉnh Tiền Giang	
545	10	26.01.18.1629	Dương Anh	Thy	Nữ	10/10/1994	Tỉnh Sông Bé	
546	11	26.01.18.1631	Đỗ Nhật Minh	Trực	Nam	19/11/1994	Tỉnh Đồng Tháp	
547	12	26.01.18.1636	Cao Ngô Hoàng	Vũ	Nam	19/05/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
CHUYÊN NGÀNH: TỔ CHỨC QUẢN LÝ DƯỢC					13			
548	1	26.01.40.1673	Nguyễn Thị Kim	Bằng	Nữ	30/11/1995	Tỉnh Tây Ninh	
549	2	26.01.40.1675	Nguyễn Tất	Đạt	Nam	16/06/1996	Tỉnh Đồng Nai	
550	3	26.01.40.1676	Lê Phan Gia	Hân	Nữ	05/11/2000	Tỉnh Khánh Hòa	
551	4	26.01.40.1677	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	29/10/1986	Tỉnh Tây Ninh	
552	5	26.01.40.1678	Vũ Thị Kim	Ngân	Nữ	06/06/1985	Tỉnh Ninh Bình	
553	6	26.01.40.1679	Nguyễn Nguyên Khánh	Ngọc	Nữ	10/06/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
554	7	26.01.40.1680	Phan Thị Ngọc	Phương	Nữ	19/11/1987	Long An	
555	8	26.01.40.1682	Phạm Nguyễn Thanh	Thào	Nữ	13/09/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
556	9	26.01.40.1683	Nguyễn Thị	Thế	Nữ	21/07/1995	Hà Tây	
557	10	26.01.40.1684	Trần Thuận	Thị	Nam	16/01/1993	Tỉnh Đồng Nai	
558	11	26.01.40.1685	Nguyễn Trần Bảo	Thoa	Nữ	19/01/1995	Tỉnh Quảng Ngãi	
559	12	26.01.40.1686	Lê Ngọc Thanh	Thúy	Nữ	05/05/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
560	13	26.01.40.1688	Trần Khải	Tú	Nữ	30/07/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
CHUYÊN NGÀNH: THẦN KINH					29			
561	1	26.01.17.1637	Nguyễn Thị Xuân	An	Nữ	14/12/1996	Tỉnh Kiên Giang	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú	
562	2	26.01.17.1638	Hà Thị Duyên	Anh	Nữ	04/11/1998	Tỉnh Đắk Lắk		
563	3	26.01.17.1639	Đỗ Quỳnh	Anh	Nữ	21/02/1998	Tỉnh Lâm Đồng		
564	4	26.01.17.1640	Phạm Lê	Bửu	Nam	15/04/1997	Tỉnh Bến Tre		
565	5	26.01.17.1641	Nguyễn Trần Chí	Dũng	Nam	30/06/1999	Tỉnh Đắk Lắk		
566	6	26.01.17.1642	Nguyễn Ngọc Thành	Đạt	Nam	13/07/1997	Tỉnh Đồng Nai		
567	7	26.01.17.1644	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	10/05/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
568	8	26.01.17.1646	Nguyễn Hữu	Hậu	Nam	06/12/1999	Tỉnh An Giang		
569	9	26.01.17.1647	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	11/04/1984	Tỉnh Khánh Hòa		
570	10	26.01.17.1649	Hoa Trương Mỹ	Kim	Nữ	29/04/1993	Thành phố Hồ Chí Minh		
571	11	26.01.17.1650	Huỳnh Gia	Lâm	Nam	14/10/1997	Tỉnh Long An		
572	12	26.01.17.1651	Huỳnh Trương Phương	Linh	Nữ	28/07/1995	Tỉnh Kiên Giang		
573	13	26.01.17.1652	Bùi Lê Duy	Linh	Nam	08/08/1997	Thành phố Hồ Chí Minh		
574	14	26.01.17.1653	Nguyễn Đình	Năm	Nam	20/07/1990	Tỉnh Lâm Đồng		
575	15	26.01.17.1654	Lê Thị Thu	Nguyệt	Nữ	01/05/1996	Tỉnh Bình Định		
576	16	26.01.17.1655	Nguyễn	Nhật	Nam	06/04/1997	Tỉnh Ninh Thuận		
577	17	26.01.17.1657	Dương Thị	Oanh	Nữ	08/10/1999	Tỉnh Hưng Yên		
578	18	26.01.17.1658	La Tấn	Phát	Nam	10/09/1997	Thành phố Hồ Chí Minh		
579	19	26.01.17.1659	Bùi Duy	Phú	Nam	20/03/1983	Tỉnh Đồng Tháp		
580	20	26.01.17.1661	Đậu Thị Minh	Phượng	Nữ	03/05/1997	Tỉnh Lâm Đồng		
581	21	26.01.17.1662	Phạm Văn	Quyết	Nam	19/05/1987	Tỉnh Nam Định		
582	22	26.01.17.1663	Nguyễn Hùng	Sang	Nam	11/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh		
583	23	26.01.17.1664	Nguyễn Thị Thu	Son	Nữ	14/12/1988	Tỉnh Long An		
584	24	26.01.17.1665	Nguyễn Nữ Thu	Thảo	Nữ	01/06/2000	Tỉnh Đắk Lắk		
585	25	26.01.17.1666	Nguyễn Đình	Thi	Nam	23/04/1995	Tỉnh Đồng Nai		
586	26	26.01.17.1667	Nông Thị Kim	Thoa	Nữ	10/11/1995	Tỉnh Lâm Đồng		
587	27	26.01.17.1669	Nguyễn Thùy Bảo	Trâm	Nữ	26/01/1999	Tỉnh Bình Dương		
588	28	26.01.17.1670	Hồ Tấn	Trung	Nam	29/09/1995	Tỉnh Sông Bé		
589	29	26.01.17.1671	Nguyễn Đoàn Diễm	Vy	Nữ	05/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh		
		CHUYÊN NGÀNH: TRUYỀN NHIỆM				20			
590	1	26.01.19.1691	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	08/09/1997	Tỉnh Quảng Nam		
591	2	26.01.19.1692	Nguyễn Nhật Phương	Duy	Nam	18/08/1992	Tỉnh Tiền Giang		
592	3	26.01.19.1693	Lê Quốc Minh	Đức	Nam	13/09/1994	Thành phố Hồ Chí Minh		
593	4	26.01.19.1694	Ngô Trần Nhật	Giang	Nam	14/06/1993	Tỉnh Kiên Giang		
594	5	26.01.19.1695	Nguyễn Thành	Huế	Nam	22/09/1998	Tỉnh Long An		
595	6	26.01.19.1696	Phạm Nghĩa	Hưng	Nam	16/01/1998	Tỉnh Đắk Lắk		
596	7	26.01.19.1698	Nguyễn Huỳnh Trọng	Lâm	Nam	01/07/1996	Thành phố Hồ Chí Minh		
597	8	26.01.19.1699	Hà Thảo	Li	Nữ	11/08/1997	Tỉnh Bình Định		
598	9	26.01.19.1703	Lê Thị Kim	Ngân	Nữ	12/09/1991	Tỉnh Long An		
599	10	26.01.19.1704	Nguyễn Thị Như	Nguyệt	Nữ	27/06/1987	Tỉnh Thuận Hải		

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
600	11	26.01.19.1705	Lê Mỹ	Nhàn	Nữ	20/11/1995	Tỉnh Sông Bé	
601	12	26.01.19.1706	Nguyễn Hoàng	Nhịn	Nam	02/01/2000	Tỉnh Tiền Giang	
602	13	26.01.19.1707	Bùi Thị	Nụ	Nữ	14/08/1987	Tỉnh Hòa Bình	
603	14	26.01.19.1708	Đỗ Thị Minh	Phượng	Nữ	24/10/1993	Thái Bình	
604	15	26.01.19.1710	Lê Ngọc Phương	Thảo	Nữ	19/11/1996	Tỉnh Lâm Đồng	
605	16	26.01.19.1712	Huỳnh Minh	Trí	Nam	18/10/1995	Tỉnh Đồng Tháp	
606	17	26.01.19.1713	Huỳnh Quốc	Trung	Nam	15/04/1995	Tỉnh Vĩnh Long	
607	18	26.01.19.1715	Nguyễn Hoàng Ánh	Tuyết	Nữ	18/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
608	19	26.01.19.1717	Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	19/05/1995	Tỉnh Tây Ninh	
609	20	26.01.19.1718	Thái Nguyễn Lan	Vy	Nữ	13/07/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
CHUYÊN NGÀNH: UNG BUỒU					16			
610	1	26.01.20.1721	Vũ Thanh	Bình	Nam	29/08/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
611	2	26.01.20.1722	Viên Bạch Lan	Châu	Nữ	20/08/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
612	3	26.01.20.1723	Ngô Thanh	Chi	Nữ	07/10/2000	Tỉnh Đắk Lắk	
613	4	26.01.20.1724	Cao Hồng	Chiến	Nam	06/08/1996	Tỉnh Quảng Ngãi	
614	5	26.01.20.1725	Nguyễn Hiếu	Hạnh	Nữ	10/04/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
615	6	26.01.20.1726	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	05/01/2000	Tỉnh Thái Nguyên	
616	7	26.01.20.1727	Huỳnh Phúc	Hoàng	Nam	08/01/2000	Tỉnh Vĩnh Long	
617	8	26.01.20.1728	Nguyễn Đức	Hung	Nam	10/05/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
618	9	26.01.20.1729	Nguyễn Thành	Hung	Nam	14/04/1997	Tỉnh Gia Lai	
619	10	26.01.20.1731	Trần Hồng	Lĩnh	Nam	13/12/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
620	11	26.01.20.1732	Trần Chí Nhật	Nam	Nam	25/01/1998	Tỉnh Vĩnh Long	
621	12	26.01.20.1734	Lê Thị Như	Phẩm	Nữ	29/09/1995	Tỉnh Tiền Giang	
622	13	26.01.20.1735	Trần Tấn	Phước	Nam	10/11/1999	Tỉnh Bình Định	
623	14	26.01.20.1736	Nguyễn Hoàng Hạnh	Quyên	Nữ	24/02/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
624	15	26.01.20.1737	Huỳnh Trường	Thịnh	Nam	17/01/2000	Tỉnh Tiền Giang	
625	16	26.01.20.1739	Trần Trịnh Mẫn	Uyên	Nữ	03/07/1999	Tỉnh Quảng Nam	
CHUYÊN NGÀNH: XÉT NGHIỆM Y HỌC					11			
626	1	26.01.21.1740	Nguyễn Văn	Ái	Nữ	03/02/1995	Tỉnh Sông Bé	
627	2	26.01.21.1741	Giang Thị	Dung	Nữ	11/10/1987	Tỉnh Bình Thuận	
628	3	26.01.21.1742	Bùi Thế	Long	Nam	28/09/1982	Thành phố Hồ Chí Minh	
629	4	26.01.21.1743	Lê Thị Xuân	Mai	Nữ	10/09/1993	Tỉnh Long An	
630	5	26.01.21.1744	Phan Thị Thảo	Nguyên	Nữ	14/11/1991	Tỉnh Thuận Hải	
631	6	26.01.21.1745	Lê Thị Kim	Nhung	Nữ	11/07/1987	Tỉnh Tây Ninh	
632	7	26.01.21.1746	Lại Thị Kim	Oanh	Nữ	04/03/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
633	8	26.01.21.1747	Mai Thanh	Phong	Nam	17/07/1993	Tỉnh Bến Tre	
634	9	26.01.21.1748	Lê Duy	Phước	Nam	21/09/1996	Tỉnh Tây Ninh	
635	10	26.01.21.1749	Võ Thị Minh	Thiệt	Nữ	04/02/1992	Tỉnh Tây Ninh	
636	11	26.01.21.1750	Hoàng Thị Hoàng	Uyên	Nữ	02/01/1995	Tỉnh Đắk Lắk	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
		CHUYÊN NGÀNH: Y HỌC GIA ĐÌNH			35			
637	1	26.01.22.1752	Đông Lê Bảo	Châu	Nữ	07/05/1990	Tiền Giang	
638	2	26.01.22.1753	Phạm Nhật	Duyệt	Nam	20/01/1998	Phú Yên	
639	3	26.01.22.1754	Trần Đức	Dũng	Nam	20/03/1994	Hà Bắc	
640	4	26.01.22.1755	Huỳnh Tấn	Đạt	Nam	04/09/1997	Tỉnh Quảng Ngãi	
641	5	26.01.22.1756	Trần	Đức	Nam	19/10/1998	Tỉnh Vĩnh Long	
642	6	26.01.22.1757	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	17/05/1998	Tỉnh Đồng Nai	
643	7	26.01.22.1758	Nguy Như Ngọc	Hậu	Nữ	25/10/1995	Ninh Thuận	
644	8	26.01.22.1759	Châu Thị Minh	Hiền	Nữ	16/03/2000	Tỉnh Đắk Lắk	
645	9	26.01.22.1760	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	Nữ	09/04/1993	Tỉnh Khánh Hòa	
646	10	26.01.22.1762	Trần Lương Trọng	Hoàng	Nam	22/10/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	
647	11	26.01.22.1763	Trần Văn	Hoạt	Nam	20/07/1989	Đồng Nai	
648	12	26.01.22.1764	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	24/10/1996	Tỉnh Đồng Nai	
649	13	26.01.22.1765	Lê Thị	Huyền	Nữ	05/12/1997	Tỉnh Thanh Hóa	
650	14	26.01.22.1767	Huỳnh Thúy	Lam	Nữ	16/01/1997	Tỉnh Đồng Tháp	
651	15	26.01.22.1768	Hứa Thị	Lệ	Nữ	21/02/1996	Bình Phước	
652	16	26.01.22.1769	Trần Thị Phương	Linh	Nữ	05/01/1996	Bình Định	
653	17	26.01.22.1770	Lê Huỳnh Khánh	Linh	Nữ	14/08/1996	Bình Thuận	
654	18	26.01.22.1771	Ngô Mạnh	Luân	Nam	02/02/1999	Long An	
655	19	26.01.22.1772	Danh Nghĩa Thiên	Môn	Nữ	06/12/1995	Ninh Thuận	
656	20	26.01.22.1773	Trần Lê Thị Thành	Nam	Nữ	20/06/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
657	21	26.01.22.1774	Trịnh Thị Hồng	Ngọc	Nữ	07/10/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
658	22	26.01.22.1775	Hà Thúc Nhật	Nguyên	Nam	31/03/1992	Tỉnh Gia Lai	
659	23	26.01.22.1776	Mai Hồng	Nhung	Nữ	21/03/1991	Tỉnh Đồng Nai	
660	24	26.01.22.1777	Nguyễn Thị Thúy	Quyên	Nữ	26/01/1996	Tỉnh Đồng Nai	
661	25	26.01.22.1778	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	14/05/1999	Thái Bình	
662	26	26.01.22.1779	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	19/11/1995	Thái Bình	
663	27	26.01.22.1780	Phùng Thị	Thắm	Nữ	04/08/1996	Tỉnh Khánh Hòa	
664	28	26.01.22.1781	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	24/10/1995	Tỉnh Hà Tĩnh	
665	29	26.01.22.1782	Nguyễn Thị	Tiên	Nữ	22/12/1996	Tỉnh Quảng Ngãi	
666	30	26.01.22.1783	Đào Hứa Trọng	Tín	Nam	06/12/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
667	31	26.01.22.1784	Nguyễn Hữu	Tín	Nam	19/06/1997	Phú Yên	
668	32	26.01.22.1785	Tô Hoàng Bảo	Trần	Nữ	17/12/1993	Bạc Liêu	
669	33	26.01.22.1786	Lê Minh	Trí	Nam	10/05/1995	Tỉnh Đồng Tháp	
670	34	26.01.22.1787	Đàng Thị Y	Tuyển	Nữ	20/06/1994	Ninh Thuận	
671	35	26.01.22.1788	Trần Khả	Tú	Nữ	18/03/1996	Khánh Hoà	

Danh sách có 671 thí sinh trúng tuyển

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2026

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA CẤP II

(Kèm Quyết định số ..2.806...../QĐ-TĐHYKPNT, ngày ..3.0 tháng ..6... năm 2026.
của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
		CHUYÊN NGÀNH: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH			23			
1	1	26.02.01.0003	Nguyễn Duy	Anh	Nam	12/08/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
2	2	26.02.01.0007	Phan Văn	Bình	Nam	10/04/1994	Tỉnh Bình Định	
3	3	26.02.01.0009	Đàm Chí	Cường	Nam	11/02/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
4	4	26.02.01.0011	Trần Quốc	Đạt	Nam	03/03/1987	tỉnh Quảng Nam	
5	5	26.02.01.0016	Hoàng Thuý	Hằng	Nữ	28/07/1994	tỉnh Bắc Giang	
6	6	26.02.01.0018	Hoàng Bùi Thu	Hiền	Nữ	09/12/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
7	7	26.02.01.0019	Nguyễn Thế	Hiền	Nam	13/02/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
8	8	26.02.01.0023	Đào Thị Thu	Hường	Nữ	19/06/1991	Tỉnh Nam Định	
9	9	26.02.01.0024	Tống Thị Minh	Kha	Nữ	05/11/1991	Tỉnh Vĩnh Long	
10	10	26.02.01.0025	Phan Duy	Khánh	Nam	19/03/1993	Thừa Thiên Huế	
11	11	26.02.01.0029	Đặng Văn Anh	Kiệt	Nam	26/11/1991	Thừa Thiên Huế	
12	12	26.02.01.0033	Bùi Thị Thanh	Luận	Nữ	14/10/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
13	13	26.02.01.0037	Trần Bảo	Ngọc	Nữ	01/01/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
14	14	26.02.01.0040	Nguyễn Xuân	Quỳnh	Nữ	22/12/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
15	15	26.02.01.0044	Nguyễn Lê Minh	Thanh	Nam	15/11/1978	Tỉnh Đồng Tháp	
16	16	26.02.01.0045	Lê Anh	Thành	Nam	25/04/1995	Thành phố Đà Nẵng	
17	17	26.02.01.0046	Bùi Bích	Thảo	Nữ	23/05/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
18	18	26.02.01.0047	Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	21/02/1987	Tỉnh Tây Ninh	
19	19	26.02.01.0051	Võ Đoàn	Trung	Nam	16/04/1992	Quảng Nam Đà Nẵng	
20	20	26.02.01.0052	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	Nữ	27/06/1988	Tỉnh Gia Lai Kontum	
21	21	26.02.01.0054	Lâm	Vinh	Nam	03/06/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
22	22	26.02.01.0057	Nguyễn Thiện	Vượng	Nam	06/10/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
23	23	26.02.01.0058	Nguyễn Thục	Vỹ	Nữ	13/06/1985	Tỉnh Khánh Hòa	
		CHUYÊN NGÀNH: CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH			27			
24	1	26.02.02.0059	Đỗ Bình	An	Nam	12/09/1977	Tỉnh Thái Bình	
25	2	26.02.02.0060	Đinh Xuân	Anh	Nam	28/05/1990	Tỉnh Đắk Lắk	
26	3	26.02.02.0063	Trương Anh	Đức	Nam	27/04/1988	Tỉnh Đắk Lắk	
27	4	26.02.02.0064	Huỳnh Thanh Tiền	Giang	Nam	15/07/1995	Tỉnh Tiền Giang	
28	5	26.02.02.0065	Châu Chí	Hào	Nam	19/02/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
29	6	26.02.02.0068	Phan Trọng	Hoàng	Nam	23/05/1994	Tỉnh Nghệ An	
30	7	26.02.02.0069	Bế Minh	Kha	Nam	21/03/1990	Tỉnh Lâm Đồng	
31	8	26.02.02.0071	Trần Ngọc	Khanh	Nam	29/02/1988	Tỉnh Phú Khánh	
32	9	26.02.02.0072	Trương Phạm Huỳnh Đăng	Khoa	Nam	18/09/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
33	10	26.02.02.0073	Nguyễn Phước	Lộc	Nam	17/10/1989	Long An	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú	
34	11	26.02.02.0074	Nguyễn Hoài Nam	Nam	01/12/1990	Tỉnh Long An		
35	12	26.02.02.0076	Lê Đỗ Khương Nguyên	Nam	24/03/1992	Thành phố Hồ Chí Minh		
36	13	26.02.02.0077	Nguyễn Thành Nhân	Nam	20/07/1994	Thành phố Hồ Chí Minh		
37	14	26.02.02.0078	Nguyễn Trung Nhân	Nam	18/06/1989	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	15	26.02.02.0079	Võ Thành Nhơn	Nam	13/08/1993	Thành phố Hồ Chí Minh		
39	16	26.02.02.0080	Lê Thanh Phong	Nam	03/03/1995	Tỉnh Đồng Tháp		
40	17	26.02.02.0081	Phan Vũ Cao Quang	Nam	05/10/1991	Tỉnh Phú Yên		
41	18	26.02.02.0082	Nguyễn Đăng Quang	Nam	23/04/1992	Tỉnh Bến Tre		
42	19	26.02.02.0083	Trần Phú Quý	Nam	19/09/1993	Thành phố Hồ Chí Minh		
43	20	26.02.02.0084	Nguyễn Trọng Sỹ	Nam	14/10/1992	Tỉnh Nghệ An		
44	21	26.02.02.0085	Lê Cao Tài	Nam	30/08/1995	Thành phố Đà Nẵng		
45	22	26.02.02.0087	Đoàn Minh Thái	Nam	18/01/1996	Tỉnh Tiền Giang		
46	23	26.02.02.0089	Nguyễn Huỳnh Thanh Thiên	Nam	21/07/1994	Tỉnh Quảng Ngãi		
47	24	26.02.02.0090	Nguyễn Văn Thuật	Nam	01/10/1986	Tỉnh Hà Bắc		
48	25	26.02.02.0091	Bùi Đình Trí	Nam	27/05/1991	Thành phố Hồ Chí Minh		
49	26	26.02.02.0092	Phạm Văn Trường	Nam	24/08/1994	Tỉnh Nghệ An		
50	27	26.02.02.0094	Ngô Võ Hoàng Văn	Nam	14/01/1992	Thành phố Hồ Chí Minh		
		CHUYÊN NGÀNH: DA LIỄU			8			
51	1	26.02.03.0096	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	04/06/1994	Thành phố Hồ Chí Minh		
52	2	26.02.03.0099	Nguyễn Mỹ Duyên	Nữ	15/06/1994	Thành phố Hồ Chí Minh		
53	3	26.02.03.0100	Lê Lam Hiền	Nữ	02/02/1995	Tỉnh Quảng Trị		
54	4	26.02.03.0102	Bùi Thế Minh Lợi	Nam	05/02/1987	Tỉnh Vĩnh Long		
55	5	26.02.03.0104	Nguyễn Hoàng Nam	Nam	26/02/1994	Thành phố Hồ Chí Minh		
56	6	26.02.03.0106	Trần Thị Phụng	Nữ	20/06/1994	Thành phố Hồ Chí Minh		
57	7	26.02.03.0110	Trương Hoài Trinh	Nữ	04/08/1994	Tỉnh Vĩnh Long		
58	8	26.02.03.0111	Nguyễn Hoàng Trúc Vy	Nữ	20/01/1995	Thành phố Hồ Chí Minh		
		CHUYÊN NGÀNH: HUYẾT HỌC			1			
59	1	26.02.07.0112	Thị Men	Nữ	15/08/1987	tỉnh Sông Bé		
		CHUYÊN NGÀNH: LÃO KHOA			9			
60	1	26.02.39.0114	Nguyễn Trường Duy	Nam	03/06/1989	Tỉnh Bến Tre		
61	2	26.02.39.0115	Nguyễn Bảo Duy	Nam	07/02/1994	Thành phố Hồ Chí Minh		
62	3	26.02.39.0116	Võ Thị Diệu Hà	Nữ	26/11/1992	Tỉnh Đắk Lắk		
63	4	26.02.39.0117	Lê Quốc Hưng	Nam	19/10/1991	Tỉnh Bình Thuận		
64	5	26.02.39.0118	Nguyễn Quế Lan	Nữ	12/03/1984	Thành phố Hồ Chí Minh		
65	6	26.02.39.0119	Lê Thị Thủy Linh	Nữ	15/08/1993	Tỉnh Hà Tĩnh		
66	7	26.02.39.0122	Võ Lê Thụy Nguyên	Nữ	12/03/1996	Tỉnh Đồng Nai		
67	8	26.02.39.0126	Trần Hữu Tài	Nam	28/12/1987	Tỉnh Đồng Tháp		
68	9	26.02.39.0127	Đỗ Trung Thành	Nam	26/02/1989	Thành phố Hồ Chí Minh		
		CHUYÊN NGÀNH: NỘI TIM MẠCH			22			
69	1	26.02.11.0249	Mai Văn Châu	Nam	23/07/1990	Tỉnh Đồng Nai		

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
70	2	26.02.11.0250	Nguyễn Tùng	Châu	Nam	15/05/1987	Tỉnh Đồng Tháp	
71	3	26.02.11.0251	Lê Hoài Thái	Dương	Nam	26/10/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
72	4	26.02.11.0253	Phùng Xuân	Đông	Nam	02/02/1985	tỉnh Quảng Nam	
73	5	26.02.11.0255	Huỳnh Tấn	Đức	Nam	10/02/1992	Tỉnh Bình Định	
74	6	26.02.11.0256	Trần Minh	Gia	Nam	27/04/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
75	7	26.02.11.0257	Lê	Hoàn	Nam	16/02/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
76	8	26.02.11.0259	Vũ Trần Đình	Huy	Nam	11/02/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
77	9	26.02.11.0260	Phan Việt	Hùng	Nam	04/03/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
78	10	26.02.11.0261	Trương Quốc	Khánh	Nam	19/10/1997	Tỉnh Kiên Giang	
79	11	26.02.11.0263	Nguyễn Thị Mai	Liên	Nữ	20/12/1986	Tỉnh Nam Định	
80	12	26.02.11.0264	Thái Phạm Văn	Minh	Nam	01/02/1992	Tỉnh Đồng Nai	
81	13	26.02.11.0265	Nguyễn Phạm Cao	Minh	Nam	08/10/1991	Hậu Giang	
82	14	26.02.11.0266	Nghiêm Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	12/07/1984	Tỉnh Long An	
83	15	26.02.11.0269	Đỗ Hữu	Phúc	Nam	26/10/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	
84	16	26.02.11.0271	Huỳnh Nhật	Quang	Nam	16/03/1996	Tỉnh Bạc Liêu	
85	17	26.02.11.0272	Trần Cao	Quốc	Nam	26/09/1987	Bà Rịa Vũng Tàu	
86	18	26.02.11.0273	Thiều Thị Trúc	Quyên	Nữ	05/01/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
87	19	26.02.11.0275	Nguyễn Trí	Tài	Nam	18/02/1983	Tỉnh Đắk Lắk	
88	20	26.02.11.0276	Nguyễn Thị Thạch	Thảo	Nữ	19/02/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
89	21	26.02.11.0279	Lê Thị Thu	Thùy	Nữ	15/03/1986	Tỉnh Đắk Lắk	
90	22	26.02.11.0280	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	Nữ	12/11/1993	Tỉnh Đồng Nai	
		CHUYÊN NGÀNH: NỘI TỔNG QUÁT				28		
91	1	26.02.10.0283	Phạm Thị Ngọc	Anh	Nữ	12/3/1987	Đồng Nai	
92	2	26.02.10.0284	Mai Hùng	Cường	Nam	10/06/1991	Tỉnh Quảng Ngãi	
93	3	26.02.10.0285	Đoàn Đình	Dân	Nam	26/11/1994	Thành phố Đà Nẵng	
94	4	26.02.10.0286	Phạm Thùy	Dung	Nữ	27/11/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
95	5	26.02.10.0287	Đặng Công	Duy	Nam	17/08/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
96	6	26.02.10.0288	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	26/10/1989	Tỉnh Thanh Hóa	
97	7	26.02.10.0289	Võ Thị Thu	Hà	Nữ	28/03/1995	Tỉnh Vĩnh Long	
98	8	26.02.10.0290	Tạ Thanh	Hà	Nữ	22/08/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
99	9	26.02.10.0291	Huỳnh Thanh	Hải	Nam	24/07/1970	Sài Gòn	
100	10	26.02.10.0292	Võ Hiếu	Hạnh	Nữ	01/10/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
101	11	26.02.10.0293	Trần Vũ Diễm	Hằng	Nữ	30/10/1995	Tỉnh Quảng Ngãi	
102	12	26.02.10.0294	Lâm Thị Thúy	Hằng	Nữ	11/01/1987	Tỉnh Thanh Hóa	
103	13	26.02.10.0297	Văn Thị Ánh	Hoà	Nữ	22/11/1993	Tỉnh Bình Định	
104	14	26.02.10.0298	Trần Bá	Lân	Nam	03/02/1990	tỉnh Đồng Nai	
105	15	26.02.10.0299	Hồ Thanh	Lịch	Nam	09/06/1984	Tỉnh Nghệ An	
106	16	26.02.10.0300	Hoàng Tiến	Minh	Nam	06/08/1989	Sông Bé	
107	17	26.02.10.0301	Phạm Quốc	Nam	Nam	03/02/1987	Tỉnh Quảng Bình	
108	18	26.02.10.0302	Vũ Đức	Nam	Nam	16/08/1990	Hà Nam Ninh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
109	19	26.02.10.0303	Nguyễn Thị Thu	Ngân	Nữ	24/11/1987	Tỉnh Long An	
110	20	26.02.10.0304	Trương Huỳnh Tấn	Phú	Nam	10/06/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
111	21	26.02.10.0305	Trần Minh	Quân	Nam	20/02/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	
112	22	26.02.10.0306	Từ Quốc	Tài	Nam	24/04/1988	Thành phố Cần Thơ	
113	23	26.02.10.0307	Hồ Thị Chí	Thanh	Nữ	01/01/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	
114	24	26.02.10.0308	Phạm Thị Thanh	Thủy	Nữ	13/01/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	
115	25	26.02.10.0309	Lê Lâm Thủy	Tiên	Nữ	13/05/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
116	26	26.02.10.0310	Nguyễn Minh	Tiến	Nam	22/02/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
117	27	26.02.10.0311	Lý Văn	Trãi	Nam	24/08/1981	Tỉnh Quảng Trị	
118	28	26.02.10.0313	Phan Tường	Vân	Nữ	15/03/1982	Tỉnh Đồng Nai	
		CHUYÊN NGÀNH: NGOẠI LÒNG NGỰC			11			
119	1	26.02.33.0129	Biện Ngọc	Anh	Nam	10/05/1993	Tỉnh Hà Tĩnh	
120	2	26.02.33.0130	Trần Minh	Châu	Nữ	18/09/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
121	3	26.02.33.0131	Nguyễn Phúc	Điện	Nam	28/09/1993	Tỉnh Đắk Lắk	
122	4	26.02.33.0132	Nguyễn Minh	Dũng	Nam	08/01/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
123	5	26.02.33.0133	Hồ Huỳnh Anh	Hùng	Nam	11/03/1989	Thành phố Huế	
124	6	26.02.33.0134	Phạm Thiên Hà Minh	Nguyệt	Nữ	12/05/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	
125	7	26.02.33.0135	Trương Văn Lê	Phong	Nam	27/02/1973	Tỉnh Gia Lai Kontum	
126	8	26.02.33.0136	Phạm Phú	Thái	Nam	15/01/1977	Thành phố Hồ Chí Minh	
127	9	26.02.33.0137	Trần Hoàng	Thịnh	Nam	02/11/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
128	10	26.02.33.0138	Cao Hữu	Trí	Nam	25/06/1991	TPHCM	
129	11	26.02.33.0140	Hoàng Ngọc	Vi	Nam	23/01/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
		CHUYÊN NGÀNH: NGOẠI TIẾT NIỆU			24			
130	1	26.02.34.0141	Nguyễn Quốc	Bào	Nam	18/05/1996	Quảng Nam - Đà Nẵng	
131	2	26.02.34.0142	Đặng Công	Bắc	Nam	18/01/1992	Tỉnh Nghệ An	
132	3	26.02.34.0143	Trần Quốc	Cường	Nam	12/11/1997	Tỉnh Đồng Nai	
133	4	26.02.34.0144	Huỳnh Kim Khánh	Đặng	Nam	30/04/1997	tỉnh Phú Yên	
134	5	26.02.34.0146	Trần Lê Thanh	Đức	Nam	11/04/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
135	6	26.02.34.0147	Trương Triều	Hải	Nam	31/03/1995	Tỉnh Bạc Liêu	
136	7	26.02.34.0148	Trương Trung	Hải	Nam	26/09/1998	Tỉnh Đồng Nai	
137	8	26.02.34.0150	Lý Minh	Hoàng	Nam	16/10/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
138	9	26.02.34.0151	Nguyễn Thái	Hoàng	Nam	03/03/1994	Tỉnh Trà Vinh	
139	10	26.02.34.0152	Trần Anh	Khoa	Nam	02/03/1991	Tỉnh Kiên Giang	
140	11	26.02.34.0153	Nguyễn Hữu	Mạnh	Nam	06/08/1996	Tỉnh Thanh Hóa	
141	12	26.02.34.0154	Trần Hữu Phương	Nam	Nam	22/06/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
142	13	26.02.34.0155	Nguyễn Thủy Đông	Nghi	Nữ	05/04/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
143	14	26.02.34.0156	Văn Diệu	Nhân	Nam	16/09/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
144	15	26.02.34.0158	Danh Quốc	Quy	Nam	29/09/1993	Tỉnh Kiên Giang	
145	16	26.02.34.0160	Trần Quang	Sinh	Nam	05/12/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
146	17	26.02.34.0161	Nguyễn Phước Quý	Tài	Nam	27/02/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
147	18	26.02.34.0162	Đoàn Cường	Thịnh	Nam	26/06/1993	Tỉnh Kon Tum	
148	19	26.02.34.0163	Lê Hoàng	Thịnh	Nam	20/05/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	
149	20	26.02.34.0164	Nguyễn Trần Đạt	Thịnh	Nam	26/04/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
150	21	26.02.34.0165	Sừ Trần	Tiến	Nam	07/12/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
151	22	26.02.34.0166	Trần Hữu	Toàn	Nam	08/02/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
152	23	26.02.34.0167	Phạm Đức	Trung	Nam	25/12/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
153	24	26.02.34.0169	Trần Đức	Việt	Nam	06/12/1996	Tỉnh Nam Định	
CHUYÊN NGÀNH: NGOẠI TỔNG QUÁT					22			
154	1	26.02.12.0171	Nguyễn Bình	An	Nam	01/08/1996	Tỉnh Bình Định	
155	2	26.02.12.0173	Nguyễn Thùy	Cúc	Nữ	25/03/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
156	3	26.02.12.0174	Tạ Thanh	Duy	Nam	11/12/1997	Tỉnh Đồng Nai	
157	4	26.02.12.0176	Trần Như	Đức	Nam	11/01/1997	Tỉnh Bình Thuận	
158	5	26.02.12.0178	Ngô Minh	Hiếu	Nam	09/05/1993	Tỉnh Long An	
159	6	26.02.12.0181	Lê Văn	Hoan	Nam	27/07/1997	Tỉnh Bình Thuận	
160	7	26.02.12.0183	Nguyễn Sĩ Duy	Kha	Nam	01/01/1998	Tỉnh Bình Định	
161	8	26.02.12.0185	Nguyễn Hiếu	Kiên	Nam	18/06/1998	Tỉnh Phú Yên	
162	9	26.02.12.0187	Nguyễn Hiền Thảo	Ly	Nữ	05/08/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
163	10	26.02.12.0189	Nguyễn Ngọc	Minh	Nam	08/07/1993	Tỉnh Tiền Giang	
164	11	26.02.12.0190	Phạm Thị Tuyết	Minh	Nữ	06/12/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
165	12	26.02.12.0192	Cao Thế	Nhân	Nam	04/01/1996	Tỉnh Đồng Nai	
166	13	26.02.12.0194	Bùi Thanh	Phước	Nam	06/08/1998	Campuchia	
167	14	26.02.12.0198	Nguyễn Phước Công	Thành	Nam	12/11/1997	Tỉnh Đồng Nai	
168	15	26.02.12.0199	Trần Văn	Thái	Nam	10/09/1996	Quảng Nam	
169	16	26.02.12.0200	Phạm Ngọc	Thạch	Nam	01/05/1985	Tỉnh Đắk Lắk	
170	17	26.02.12.0201	Phạm Nguyễn Hải	Thạch	Nam	21/02/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
171	18	26.02.12.0202	Nguyễn Đức	Thọ	Nam	03/05/1982	Quảng Nam	
172	19	26.02.12.0203	Phạm Trung	Tín	Nam	14/12/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
173	20	26.02.12.0204	Vũ Hoàng Minh	Tín	Nam	02/04/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
174	21	26.02.12.0208	Nguyễn Dương Anh	Trường	Nam	27/03/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
175	22	26.02.12.0211	Hà Phú	Xuân	Nam	24/07/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
CHUYÊN NGÀNH: NHÂN KHOA					12			
176	1	26.02.08.0212	Nguyễn Văn	Anh	Nữ	05/04/1990	Tỉnh Lâm Đồng	
177	2	26.02.08.0213	Trần Công	Danh	Nam	01/01/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
178	3	26.02.08.0214	Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	15/07/1986	Tỉnh Nghệ An	
179	4	26.02.08.0215	Bùi Thị Thanh	Hiên	Nữ	28/10/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
180	5	26.02.08.0216	Bùi Phương	Hiên	Nữ	15/11/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
181	6	26.02.08.0217	Huỳnh Phúc	Hoàng	Nam	05/06/1994	Tỉnh Khánh Hòa	
182	7	26.02.08.0218	Nguyễn Hồng	Liên	Nữ	26/11/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	
183	8	26.02.08.0219	Trần Quang	Minh	Nam	28/03/1992	Tỉnh Trà Vinh	
184	9	26.02.08.0221	Chu Sỹ	Nghĩa	Nam	26/10/1986	Tỉnh Hà Tĩnh	



STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
185	10	26.02.08.0222	Nguyễn Trà Thảo	Nhi	Nữ	25/03/1992	Tỉnh Bình Định	
186	11	26.02.08.0223	Trần Hoàng	Oanh	Nữ	26/09/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
187	12	26.02.08.0224	Nguyễn Hà	Thu	Nữ	21/09/1993	Thành phố Hà Nội	
CHUYÊN NGÀNH: NHI KHOA					12			
188	1	26.02.09.0228	Huỳnh Hoàng	Duy	Nam	11/01/1997	Tỉnh Long An	
189	2	26.02.09.0230	Ngô Như	Định	Nam	07/04/1984	Tỉnh Lâm Đồng	
190	3	26.02.09.0231	Nguyễn Chính	Hiếu	Nam	17/10/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
191	4	26.02.09.0233	Nguyễn Trần Anh	Khoa	Nam	20/08/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
192	5	26.02.09.0234	Dương Phạm Bình	Long	Nam	06/06/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
193	6	26.02.09.0236	Trương Thị Phương	Mai	Nữ	08/04/1993	Tỉnh Long An	
194	7	26.02.09.0237	Phạm Tuyết	Ngân	Nữ	29/06/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
195	8	26.02.09.0238	Lê Hữu Đăng	Nhật	Nam	25/09/1988	Đà Nẵng	
196	9	26.02.09.0239	Vũ Thị	Nhịn	Nữ	01/10/1980	Tỉnh Đắk Lắk	
197	10	26.02.09.0240	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	Nữ	08/08/1984	Tỉnh Cà Mau	
198	11	26.02.09.0243	Võ Thanh	Vũ	Nam	03/10/1982	Thành phố Hồ Chí Minh	
199	12	26.02.09.0244	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	01/09/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
CHUYÊN NGÀNH: PHẪU THUẬT TẠO HÌNH - THẨM MỸ					10			
200	1	26.02.13.0314	Châu Đông	Bách	Nam	14/11/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
201	2	26.02.13.0315	Đặng Công	Danh	Nam	16/06/1995	Tỉnh Bến Tre	
202	3	26.02.13.0316	Cao	Lâm	Nam	28/08/1993	Tỉnh Đắk Lắk	
203	4	26.02.13.0317	Nguyễn Văn	Nam	Nam	03/03/1990	Tỉnh Ninh Bình	
204	5	26.02.13.0319	Dương Thị Ngọc	Quyên	Nữ	11/02/1984	Tiền Giang	
205	6	26.02.13.0321	Vũ Tuấn	Toàn	Nam	12/08/1994	Thành phố Hải Phòng	
206	7	26.02.13.0322	Hồ Việt	Trình	Nữ	15/03/1992	Tỉnh Gia Lai	
207	8	26.02.13.0323	Huỳnh Quang	Tuyển	Nam	15/10/1990	Tỉnh Quảng Ngãi	
208	9	26.02.13.0324	Đoàn Mạnh	Tùng	Nam	26/06/1982	Tỉnh L. Sơn	
209	10	26.02.13.0325	Trần Khuê	Tú	Nữ	27/07/1990	Trà Vinh	
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ Y TẾ					10			
210	1	26.02.14.0329	Nguyễn Thành	Đô	Nam	20/12/1972	Tỉnh Phú Khánh	
211	2	26.02.14.0331	Nguyễn Kim Nhật	Huy	Nam	26/12/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
212	3	26.02.14.0333	Nguyễn Đình Đăng	Khoa	Nam	04/10/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
213	4	26.02.14.0334	Trần Thị Hoàng	Kim	Nữ	01/03/1980	Thành phố Hồ Chí Minh	
214	5	26.02.14.0335	Phan Trần Trúc	Ly	Nữ	13/08/1994	Tỉnh Lâm Đồng	
215	6	26.02.14.0336	Đặng Vũ Anh	Thông	Nam	20/05/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
216	7	26.02.14.0337	Đỗ Thị Diễm	Thúy	Nữ	01/05/1972	Tỉnh Bến Tre	
217	8	26.02.14.0338	Mai Hồng	Tiến	Nam	05/05/1982	Thành phố Hồ Chí Minh	
218	9	26.02.14.0339	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	Nữ	25/10/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	
219	10	26.02.14.0341	Trương Trọng	Tuấn	Nam	22/03/1991	Tỉnh Long An	
CHUYÊN NGÀNH: SẢN PHỤ KHOA					30			
220	1	26.02.15.0346	Quan Thành	Đạt	Nam	25/09/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
221	2	26.02.15.0349	Nguyễn Thị Kim	Hà	Nữ	21/12/1998	Tỉnh Đồng Nai	
222	3	26.02.15.0350	Trần Thị	Hạnh	Nữ	23/9/1981	Tỉnh Bến Tre	
223	4	26.02.15.0352	Trần Thị Tuyết	Hạnh	Nữ	10/03/1996	Tỉnh Bình Thuận	
224	5	26.02.15.0353	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	14/08/1988	Tỉnh Kiên Giang	
225	6	26.02.15.0354	Lê Nguyễn Trọng	Hiền	Nam	14/12/1983	Tỉnh Đồng Nai	
226	7	26.02.15.0355	La Gia	Hiếu	Nam	25/09/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
227	8	26.02.15.0356	Phạm Duy	Hùng	Nam	16/11/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	
228	9	26.02.15.0362	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	24/05/1997	Tỉnh Đồng Nai	
229	10	26.02.15.0363	Lưu Bình Bảo	Lộc	Nam	17/05/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
230	11	26.02.15.0367	Nguyễn Châu	Minh	Nam	23/01/1984	Tỉnh Tiền Giang	
231	12	26.02.15.0370	Trần Thụy Minh	Nguyệt	Nữ	11/10/1979	Thành phố Hồ Chí Minh	
232	13	26.02.15.0371	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	01/08/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
233	14	26.02.15.0373	Phạm Huỳnh Yến	Nhi	Nữ	10/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
234	15	26.02.15.0374	Trần Thị Cẩm	Nhung	Nữ	15/10/1993	Tỉnh Quảng Ngãi	
235	16	26.02.15.0375	Trương Quỳnh	Như	Nữ	21/12/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
236	17	26.02.15.0376	Hồ Thị Xuân	Nương	Nữ	01/02/1992	Thành phố Đà Nẵng	
237	18	26.02.15.0377	Dương Kim	Oanh	Nữ	23/10/1991	Tỉnh Tiền Giang	
238	19	26.02.15.0379	Quách Kim	Phụng	Nữ	16/06/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
239	20	26.02.15.0380	Lê Kim	Phụng	Nữ	28/10/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
240	21	26.02.15.0382	Nguyễn Long	Phước	Nam	16/10/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
241	22	26.02.15.0385	Nguyễn Trọng	Tân	Nam	15/04/1992	Tỉnh Quảng Trị	
242	23	26.02.15.0387	Trương Thị Phương	Thảo	Nữ	08/04/1993	Tỉnh Long An	
243	24	26.02.15.0388	Lê Trần Dạ	Thảo	Nữ	11/08/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
244	25	26.02.15.0391	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	01/12/1994	Tỉnh Cà Mau	
245	26	26.02.15.0393	Nguyễn Thị Thuý	Trang	Nữ	09/11/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
246	27	26.02.15.0396	Vũ Đình	Tuân	Nam	06/12/1977	Thành phố Hồ Chí Minh	
247	28	26.02.15.0399	Phan Thị Thúy	Vân	Nữ	25/07/1993	Tỉnh Lâm Đồng	
248	29	26.02.15.0400	Trương Thanh	Vị	Nữ	09/01/1994	Tỉnh Kiên Giang	
249	30	26.02.15.0401	Vũ Thanh	Vy	Nữ	29/01/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: TAI MŨI HỌNG				20		
250	1	26.02.16.0402	Lê Thị Hoài	Anh	Nữ	16/03/1993	Tỉnh Thanh Hóa	
251	2	26.02.16.0403	Trần Minh	Ân	Nam	11/08/1996	Tỉnh DakNong	
252	3	26.02.16.0405	Nguyễn Đức	Bảo	Nam	13/05/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
253	4	26.02.16.0408	Đỗ Minh	Duẩn	Nam	28/10/1995	Tỉnh Quảng Ngãi	
254	5	26.02.16.0409	Nguyễn Hữu	Đức	Nam	20/01/1990	Tỉnh Lâm Đồng	
255	6	26.02.16.0410	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	04/12/1994	Tỉnh Bình Thuận	
256	7	26.02.16.0411	Trương Thu	Hiền	Nữ	24/09/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
257	8	26.02.16.0413	Nguyễn Tòng	Khanh	Nam	23/09/1996	Sông Bé	
258	9	26.02.16.0414	Lý Quang	Khải	Nam	19/06/1986	tỉnh Sóc Trăng	
259	10	26.02.16.0416	Trần Thanh	Long	Nam	30/11/1992	Tỉnh Đồng Nai	



STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
260	11	26.02.16.0419	Ngô Đức	Lưu	Nam	10/09/1989	tỉnh Quảng Bình	
261	12	26.02.16.0423	Nguyễn Tấn	Phước	Nam	11/9/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
262	13	26.02.16.0425	Lê Hồ Băng	Tâm	Nữ	10/12/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
263	14	26.02.16.0426	Quách Minh	Tấn	Nam	01/12/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
264	15	26.02.16.0427	Lương Nguyễn Thanh	Thào	Nữ	07/10/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
265	16	26.02.16.0428	Nguyễn Hoài	Thu	Nữ	19/08/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
266	17	26.02.16.0429	Trần Anh	Thư	Nữ	27/08/1990	Thành phố Hà Nội	
267	18	26.02.16.0430	Vũ Ngọc	Tuấn	Nam	02/11/1994	Tỉnh Thái Bình	
268	19	26.02.16.0432	Dương Anh	Vũ	Nam	05/12/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
269	20	26.02.16.0434	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	13/05/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
CHUYÊN NGÀNH: THẦN KINH					8			
270	1	26.02.17.0437	Lý Ngọc Lê	Cát	Nam	07/01/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
271	2	26.02.17.0438	Phí Ngọc	Dương	Nam	17/01/1987	Tỉnh Bình Phước	
272	3	26.02.17.0439	Đình Hoàng	Đức	Nam	03/04/1988	Tỉnh Gia Lai	
273	4	26.02.17.0441	Phạm Hồng	Hiếu	Nữ	16/09/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
274	5	26.02.17.0442	Nguyễn Thái Vĩnh	Hồ	Nam	30/09/1994	Tỉnh Tiền Giang	
275	6	26.02.17.0444	Trần Thị	Nga	Nữ	25/08/1991	Quảng Nam	
276	7	26.02.17.0445	Lê Công	Trí	Nam	03/05/1992	tỉnh Phú Yên	
277	8	26.02.17.0446	Trần Văn	Út	Nam	19/09/1977	SÓC TRĂNG	
CHUYÊN NGÀNH: TRUYỀN NHIỆM					3			
278	1	26.02.19.0447	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	28/06/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
279	2	26.02.19.0448	Nguyễn Thị Bích	Liên	Nữ	05/06/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
280	3	26.02.19.0449	Lê Đỗ Đình	Nguyên	Nam	19/07/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
CHUYÊN NGÀNH: UNG BƯỞU					11			
281	1	26.02.20.0450	Phạm Trần Minh	Châu	Nữ	15/08/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
282	2	26.02.20.0451	Huỳnh Chí	Hiếu	Nam	20/12/1990	Tỉnh Tây Ninh	
283	3	26.02.20.0452	Mạc Thùy Thảo	Phương	Nữ	04/05/1989	Tỉnh Gia Lai	
284	4	26.02.20.0453	Nguyễn Hoàng	Phương	Nam	27/12/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
285	5	26.02.20.0454	Đặng Xuân	Quỳnh	Nữ	23/03/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
286	6	26.02.20.0455	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	30/09/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	
287	7	26.02.20.0456	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	30/12/1992	tỉnh Sông Bé	
288	8	26.02.20.0457	Nguyễn Đức	Toàn	Nam	02/12/1989	Tỉnh Long An	
289	9	26.02.20.0458	Phạm Thị Tâm	Trình	Nữ	07/01/1980	Thành phố Hồ Chí Minh	
290	10	26.02.20.0459	Trần Thanh	Tùng	Nam	01/03/1991	Tỉnh Khánh Hòa	
291	11	26.02.20.0460	Phạm Thị Ngọc	Tú	Nữ	15/11/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	

Danh sách có 291 thí sinh trúng tuyển